

J-TRADER 9.0

Bản hướng dẫn sử dụng

Phiên bản 1.0

Nội dung

Chương 2: Giới thiệu J-Trader.....	5
Cài đặt J-Trader.....	5
Cài ứng dụng độc lập	5
Cài ứng dụng trên nền web	5
Để cài đặt J-Trader theo hình thức ứng dụng web:	5
Đăng nhập vào J-Trader.....	6
Thay đổi thiết lập kết nối mạng:	7
Đăng xuất ra khỏi J-Trader	9
Tổng quan về các màn hình của J-Traders.....	9
Màn hình chính:	9
Màn hình giao dịch:	9
Màn hình kết nối:	10
Màn hình thông báo:	10
Màn hình chính của J-Trader	10
Quản lý cửa sổ giao dịch và “bàn làm việc” (Desktop)	12
Màn hình trạng thái kết nối	13
Màn hình thông báo	14
Chương 3: Cấu hình J-Trader	15
Sử dụng màn hình “Settings”	15
Display Tab.....	16
General Tab.....	18
Tạo một mẫu Trader Ticket	19
Trading Tab.....	20
Sound tab	22
Contract tab.....	24
MEL Template Tab.....	25
Reflector Tab	26
Cấu hình màn hình Hot Quotes.....	27
Các cột Hot Quotes	28
Thiết lập các tài khoản mặc định	29
Chương 4: Giao dịch với J-Trader	31

Tổng quan về giao dịch trong J-Trader	31
Sắp xếp và Lọc danh sách	32
Điều chỉnh cột	32
Các loại lệnh	33
Giao dịch với màn hình Hot Quotes	36
Sử dụng các màn hình DOM.....	39
Chương 5:	41
PIG (Price Injector Gun)	45
Tham gia hoặc Diming bằng tay	45
Tham gia hoặc Diming tự động	46
Các lệnh bảo vệ.....	48
Sử dụng một phiếu lệnh (trade ticket).....	50
Giao dịch lệnh tổng hợp và lệnh thời gian (Synthetic Orders and Timed Orders)	52
Giao dịch ở sàn kim loại London (LME).....	52
Giao dịch FX.....	54
Giao dịch các hợp đồng Eurodollar	56
Giao dịch Calendar Spreads	57
Giao dịch quyền chọn	60
Các cột tùy chọn.....	62
Giao dịch chiến lược	63
Các cột hiển thị trong màn hình Strategies	65
Sử dụng các chiến lược (MELs)	66
Tạo một MEL.....	66
Giao dịch MEL	68
Xem và cập nhật lệnh.....	69
Các cột của màn hình Status	72
Xem vị thế.....	74
Các cột trong khung Positions	76
Các cột trong khung Fills	77
Chương 6: Các công cụ của J-Trader	77
Sử dụng Scroll Ticker	78
Tạo ra các chiến lược	79

Các chiến lược quyền chọn	81
Các chiến lược tương lai	82
Sử dụng List Ticker	83
Nhập hàng loạt lệnh	84
Cách gửi hàng loạt lệnh từ J-Trader.....	85
Các cột trong màn hình Bulk Order Input.....	88
Xem lệnh khớp.....	89

Chương 2: Giới thiệu J-Trader

J-Trader 9.0 được ra mắt với một bộ hàm thư viện giao dịch mới, mang lại các ưu điểm sau:

- Thời gian đăng nhập và download nhanh hơn.
- Xử lý lệnh và giá cả hiệu quả hơn
- Cài đặt dễ dàng hơn vì J-Trader được đóng gói dưới dạng file jar.

Yêu cầu hệ thống của J-Trader

- Cấu hình máy tối thiểu để chạy J-Trader :
- Vi xử lý: 1.5 GHz hoặc tương đương. Pentium 3 hoặc tương đương.
- Ổ cứng: 50 MB trống trên ổ cứng.
- RAM: 1GB
- Hệ điều hành: Windows XP, NT4 hay 2000. Hệ điều hành XP được ưa thích, nhưng Vista cũng hỗ trợ tốt.
- Trình duyệt: Internet Explorer 5.5 hoặc 6.0
- SUN JVM: từ 1.6.0_1 trở lên

Cài đặt J-Trader

Có 2 cách cài đặt J-Trader:

Cài ứng dụng độc lập: dùng một đĩa CD hay file zip, cài đặt J-Trader lên máy tính của bạn. Sau đó bạn chạy J-Trader như bất kỳ phần mềm nào của Windows: từ Start Menu hoặc double-click vào biểu tượng J-Trader trên màn hình desktop.

Cài ứng dụng trên nền web: Bạn click vào một đường dẫn web, và phiên bản cuối cùng sẽ được tải về máy của bạn như là một Java Applet.

Khi bạn thoát J-Trader, ứng dụng sẽ bị xóa hoàn toàn khỏi máy của bạn. Để chạy lại J-Trader, bạn chỉ cần click vào đường dẫn web lần nữa. Ưu điểm của ứng dụng nền web so với ứng dụng độc lập là bạn luôn sử dụng version mới nhất.

Để cài đặt J-Trader theo hình thức ứng dụng web:

1. Trình duyệt của bạn phải là Internet Explorer version 5.5 trở lên (Patsystems không hỗ trợ trình duyệt khác)

2. Bật chức năng Java Applet cho IE:

i. Mở IE

ii. Chọn Tools/Internet Options

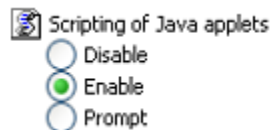
iii. Chọn Security tab

iv. Click vào biểu tượng Internet



Click vào “Custom Level...”

v. Đảm bảo rằng bạn đã chọn tùy chọn như sau:

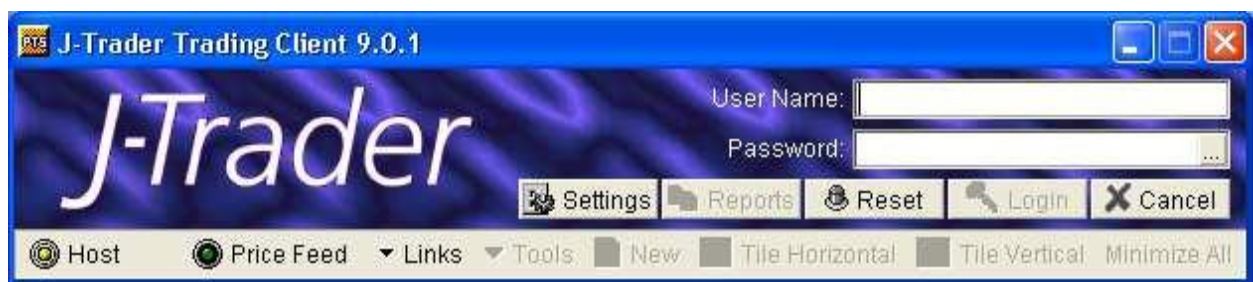


3. Nếu bạn nhận được một cảnh báo yêu cầu bạn cho phép cài đặt và chạy J-Trader, chọn **Yes**. Bạn có thể bỏ qua bước này trong những lần tiếp theo bằng cách tick vào **Always trust content from Patsystems (UK) Limited**.

Đăng nhập vào J-Trader

1. Click vào biểu tượng J-Trader hoặc web link của J-Trader trên màn hình desktop.

Màn hình đăng nhập của J-Trader sẽ hiện ra:



Nếu công ty của bạn dùng chế độ đăng kí một lần (single sign-on) và bạn đã đăng nhập vào máy tính của bạn bằng một mã ID bí mật, bạn có thể đăng nhập vào J-Trader mà không cần nhập user và password nữa.

2. Để kiểm tra hoặc thay đổi thiết lập mạng, click vào **Settings** và thực hiện các bước được mô tả ở mục **Thay đổi thiết lập mạng**.

3. Để đăng nhập, điền vào các mục như sau:

Trường	Nhập hoặc Lựa chọn
User Name	Tên người dùng
Password	Mật khẩu đăng nhập (phân biệt hoa thường) Để đổi password: i. Click vào <input type="button" value="..."/> . Một hộp thoại sẽ xuất hiện ii. Nhập vào password mới trong mục New Password và Confirm fields . iii. Click vào <input type="button" value="OK"/>
Reset	Nhấn vào nút này để kích hoạt nút Reports
Reports	Nhấn vào nút này để yêu cầu tải về các báo cáo giao dịch

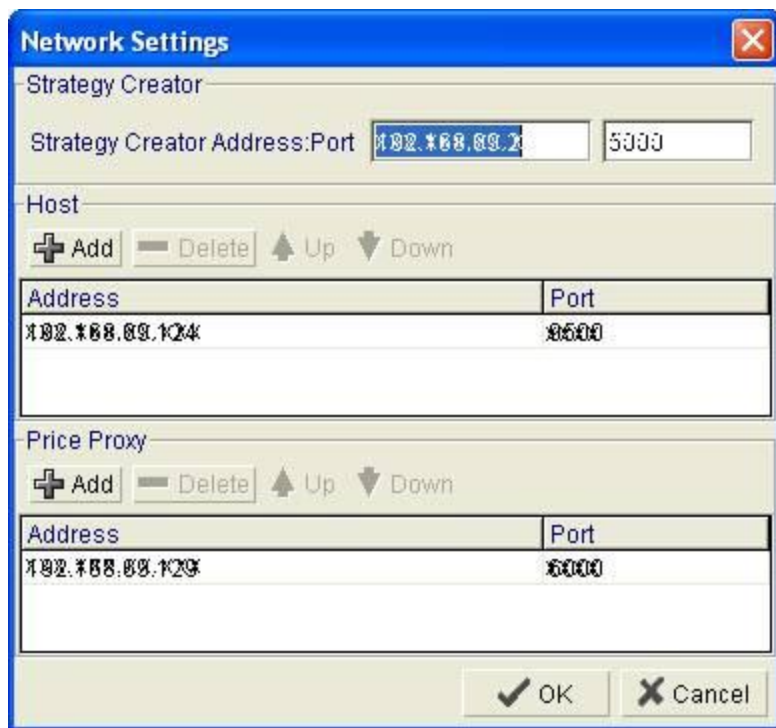
4. Click . Sau một lát, một thông báo “Initialising Windows...Please Wait” sẽ xuất hiện. Khi bạn đã đăng nhập thành công, màn hình chính của J-Trader sẽ xuất hiện. Màn hình này hơi giống màn hình đăng nhập nhưng có một vài điểm khác biệt, xem ở “Màn hình chính”

Thay đổi thiết lập kết nối mạng:

1. Nếu bạn chưa đăng nhập vào, thực hiện các bước ở mục “Đăng nhập vào J-Trader”

2. Click vào .

Cửa sổ Network Settings xuất hiện:



3. Điền các mục sau:

Trường	Nhập hoặc Lựa chọn
- Strategy Creator -	Địa chỉ IP (ô trống bên phải) và port (ô trống bên trái) dành cho Strategy Calculator. Nếu bạn không có chức năng này thì để trống các mục này
- Host -	Địa chỉ IP và port của máy chủ (TAS hay còn gọi là Transaction Server)
- Price Proxy -	<p>Dành cho mỗi máy PDD (máy phân phối dữ liệu của Pats) mà bạn muốn thêm vào:</p> <p>i. Click vào Add.</p> <p>ii. Nhập địa chỉ IP và số port</p> <p>iii. J-Trader kiểm tra các số port được đăng kí: nếu port đầu tiên không sẵn sàng, nó sẽ chuyển sang port thứ 2 và cứ thế. Bạn có thể thay đổi thứ tự bằng các phím up và down.</p> <p>iv. Để xóa một máy chủ, chọn hàng tương ứng trên danh sách, rồi click Delete</p>

- Click **OK** để xác nhận thay đổi của bạn, hoặc **Cancel** để hủy thay đổi.
- Trở về màn hình đăng nhập của J-Trader, click vào **Reset** để lưu những thay đổi
- Tiếp tục đăng nhập

Đăng xuất ra khỏi J-Trader

- Click vào **Exit** trên màn hình chính
- Nếu bất kì lệnh nào bị hủy (cancel), J-Traders sẽ cảnh báo bạn và để bạn hủy yêu cầu đăng xuất.

Tổng quan về các màn hình của J-Traders

Khi bạn đăng nhập thành công vào J-Trader và mở một cửa sổ giao dịch, bạn sẽ thấy 4 màn hình khác nhau:

Màn hình chính:



Màn hình chính của J-Trader cho phép bạn chọn cửa sổ làm việc, cấu hình hành vi và hình thức thể hiện của J-Trader, đăng xuất, v.v..

Màn hình giao dịch:



Màn hình để chọn tất các chức năng giao dịch và báo cáo.

Xem mục ‘Quản trị các cửa sổ và desktop’ và “Tổng quan về giao dịch với J-Trader”

Màn hình kết nối:



Màn hình để kiểm tra các kết nối tới máy chủ.

Xem thêm “Màn hình trạng thái kết nối”

Màn hình thông báo:



Màn hình cho các thông báo về kết nối, cảnh báo, và các yêu cầu lấy giá

Xem thêm “Màn hình thông báo”

Bạn có thể thu nhỏ hoặc phóng to tất cả các màn hình J-Trader chỉ bằng một click vào biểu tượng J-Trader nằm trên thanh taskbar của Windows:





Màn hình chính của J-Trader



Nó chứa các mục như sau:

Mục	Giải thích
-----	------------

Default Desktop	Liệt kê các “màn hình” đang sẵn sàng, với màn hình hiện đang sử dụng được highlight màu vàng.
About	Các thông tin về J-Trader như phiên bản (version), và số mã (build number)
Settings	Một màn hình mới để thiết lập cảnh báo, hành vi của chuột, các loại lệnh mặc định, v.v.. (Xem thêm Quản lý các màn hình và cửa sổ giao dịch)
Exit	<p>Đóng J-Trader</p> <p>Bất cứ lệnh nào đang xử lý (working) hoặc chưa kích hoạt (inactive) đều bị hủy khi bạn log-off, nhưng sẽ cho bạn một cảnh báo, có tùy chọn có thể hủy yêu cầu thoát J-Trader.</p>
 Host  Price Feed	<p>‘Các đèn giao thông’ chỉ trạng thái kết nối tới các máy chủ (ví dụ, máy chủ để chạy J-Trader, hay còn gọi là TAS, và máy chủ lấy giá)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Màu xanh = đã kết nối • Màu vàng = đang thiết lập kết nối • Màu xám = mất kết nối <p>Nếu kết nối tới máy chủ giao dịch hoặc máy lấy giá bị mất, ‘đèn’ sẽ chuyển sang màu xám. Bởi vì J-Trader sẽ cố gắng kết nối tới máy chủ, bạn sẽ thấy tín hiệu màu đổi liên tục cho đến khi nó thành màu xanh. Nếu đèn không chuyển sang xanh, tín hiệu sẽ trở nên không ổn định, khi đó:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Click Exit để thoát khỏi J-Trader 2. Thử thay đổi thiết lập về kết nối 3. Nếu thất bại, liên hệ với admin hoặc IT
Links	Mở các link tới các website định sẵn. Nếu bạn muốn nhiều link hơn có thể liên hệ với admin
Tools	Tạo một menu cho phép hiển thị các lệnh, tạo và tính toán các chiến lược, liệt kê lệnh, và đẩy lệnh lên sổ trong một file chạy

New	Tạo một cửa sổ giao dịch mới cho màn hình hiện tại.
-----	---

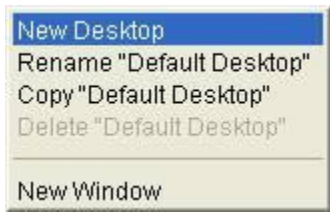
Quản lý cửa sổ giao dịch và “bàn làm việc” (Desktop)

Bạn có thể tạo, đổi tên và sao chép các cửa sổ giao dịch và “bàn làm việc”.

“Bàn làm việc” là một tập các màn hình và công cụ được lưu lại. Bằng cách dùng nhiều “bàn làm việc”, bạn có thể chuyển đổi nhanh chóng giữa các môi trường giao dịch với nhau. Ví dụ, nếu bạn giao dịch trái phiếu và STIRs, bạn có thể dùng một bàn làm việc riêng cho từng loại. Khi bạn đăng nhập vào lần tiếp theo, J-Trader sẽ tự động hiển thị bàn làm việc bạn sử dụng cuối cùng.

Thực hiện các bước sau:

1. Trong màn hình chính của J-Trader, click vào bàn làm việc hoặc cửa sổ giao dịch mà bạn muốn chỉnh sửa. Nó được tô đậm (highlight) bằng màu vàng.
2. Click chuột phải lên bàn làm việc/cửa sổ. Một menu pop-up xuất hiện :




Menu dành cho “Bàn làm việc”



Menu dành cho cửa sổ

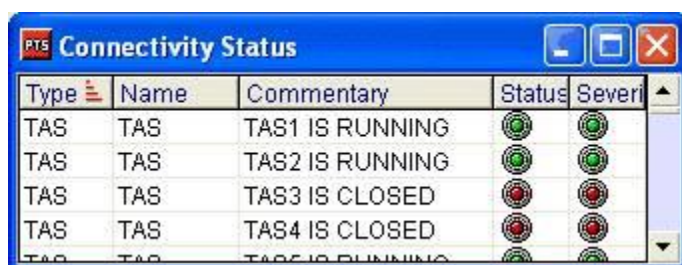
3. Click vào tùy chọn mà bạn muốn

Menu	Tùy chọn
Desktop	<ul style="list-style-type: none"> • New Desktop: tạo bàn làm việc mới (bạn cũng có thể tạo mới bằng cách tới màn hình chính của J-Trader và click vào New) • Delete “<Desktop name>”: Xóa bàn làm việc • New Window: tạo mới cửa sổ như một thành phần của bàn làm việc hiện tại.
Window	<ul style="list-style-type: none"> • New Desktop: sẽ chuyển cửa sổ được chọn vào 1 bàn làm việc • New Window: tạo một cửa sổ mới

	<ul style="list-style-type: none"> • Rename “Window name”: đổi tên cửa sổ • Copy “Window name”: sao chép cửa sổ • Close “Window name”: đóng cửa sổ • Bạn có thể đóng hết các cửa sổ bằng cách nhấn vào biểu tượng  trên thanh taskbar trên màn hình Windows. (góc dưới phải)
--	---

Màn hình trạng thái kết nối

Để kiểm tra các kết nối, bạn dùng cửa sổ Trạng Thái Kết Nối (Connectivity Status):



Bạn có thể sắp xếp theo một cột bằng cách click vào tiêu đề của cột đó (click thêm một lần nữa để chuyển giữa “A-Z” và “Z-A”)

Các cột thể hiện các thông tin sau:

Cột	Giải thích
Type	Loại máy chủ: - STAS: máy chủ chạy cài đặt J-Trader của bạn. Còn mang các tên sau: application server, host server, super transaction server hay STAS. - PDD: Pats Data Distributor, là server báo giá - ESA: Exchange Specific Adaptor, dùng để kết nối J-Trader tới 1 sở khác.
Name	Tên server
Commentary	Một thông báo cho biết server có đang hoạt động hay không. Thông tin này đến từ máy chủ Order Routing Engine (ORE)
Status	‘Đèn giao thông’ chỉ tình trạng của máy chủ: green (OK), amber (cần chú ý), red (thất bại)
Severity	‘Đèn giao thông’ chỉ mức độ nghiêm trọng của sự cố về kết nối: green (bình thường), amber (cần chú ý), red (thất bại)

Màn hình thông báo

Để xem các thông báo về tình trạng kết nối, và hoạt động giao dịch (khớp, khớp-1 phần, hủy, RFQs, etc.):

1. Mở cửa sổ thông báo.



The screenshot shows a window titled 'Messages' with three checked tabs: 'Messages', 'Alerts', and 'RFQs'. Below the tabs is a table with four columns: 'Seq', 'Type', 'Time', and 'Message'. The table contains 8 rows of data, all with 'Normal' as the type. The messages are related to order fills and order receipt by the host.

Seq	Type	Time	Message
16	Normal	15:04:49	Fill received for order 3049349
15	Normal	15:04:49	Order received by host for 3049349
14	Normal	15:04:21	Fill received for order 3049346
13	Normal	15:04:21	Fill received for order 3049348
12	Normal	15:04:20	Order received by host for 3049348
11	Normal	15:04:12	Fill received for order 3049345
10	Normal	15:04:12	Fill received for order 3049347
9	Normal	15:04:11	Order received by host for 3049347

2. Các cột sẽ xuất hiện như sau:

- Sequence: Số thứ tự của thông báo
- Type: Loại thông báo, Normal là tình trạng giao dịch, Alert là nguyên nhân một giao dịch thất bại, và RFQ là một thông tin request-for-quote
- Time: Giờ thông báo đến
- Message: nội dung thông báo

3. Để sắp xếp theo 1 cột, nhấn vào tiêu đề cột đó (nhấn lại để thay đổi chiều sắp xếp)

Chương 3: Cấu hình J-Trader

Chương này trình bày cách thức thay đổi giao diện và hành vi của J-Trader

Sử dụng màn hình “Settings”

Hầu hết các chức năng của J-Trader đều được cấu hình từ màn hình “Settings”, bằng cách nhấn vào nút **Settings** trên màn hình chính của J-Trader. Màn hình Settings có các tab sau:

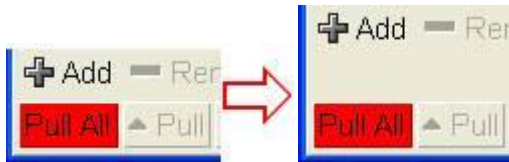
Tab	Chức năng hiệu chỉnh
Display	Màu sắc hiển thị các loại giá, và thay đổi về giá Hiển thị phân số, phần thập phân Các hiệu chỉnh linh tinh Font chữ mặc định cho tất cả các màn hình Màn hình nào bạn muốn xuất hiện phía trước các màn hình khác
General	Các đặc tính của các cảnh báo (các dòng thông báo hoặc âm thanh , cảnh báo về một điều đã diễn ra) Các tùy chỉnh cho tick bar Một hộp kiểm (checkbox) để buộc dòng thông báo phải xuất hiện lên trên các màn hình và hộp thoại khác Các hộp kiểm để quản lý loại nhật kí bạn muốn tạo Các phím tắt, cho các tác vụ thường dụng
Trading	Giao dịch và cách thức thực hiện
Contract	Các đặc tính (như loại hợp đồng mặc định) cho các sở giao dịch, các công cụ.
MEL Template	Tạo các chiến thuật multi-legged mà sở không hỗ trợ
Reflector	Màn hình Patsystems Reflector

Sau khi điều chỉnh xong, nhớ nhấn vào nút **Apply** (lưu và giữ cửa sổ mở), **OK** (lưu và đóng cửa sổ) hoặc **Cancel** (thoát và không lưu).

Display Tab

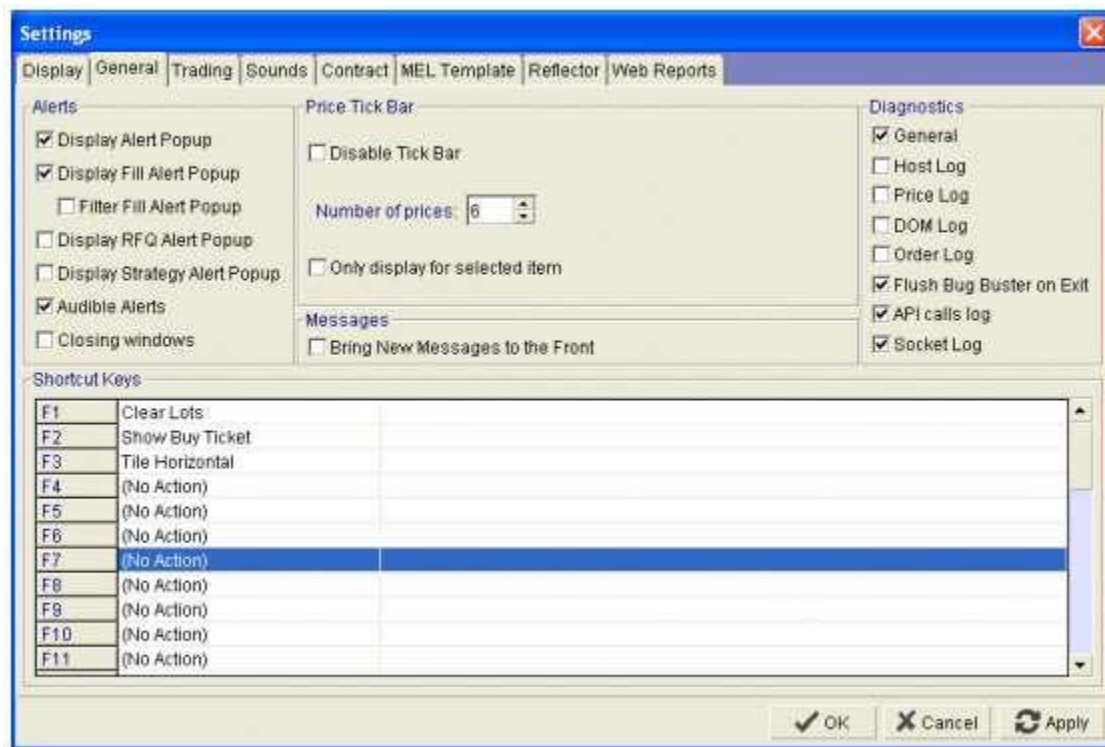
Bạn sử dụng tab này như sau:

Trường	Nhập hoặc Lựa chọn
-Colours-	<p>1. Tô đậm hàng mà bạn muốn thay đổi màu sắc: check vào hộp kiểm <input checked="" type="checkbox"/> để chỉ định màu hiện tại là màu mặc định.</p> <p>Chọn một màu mới bằng cách chọn từ bảng màu bên phải, hoặc nhập 3 giá trị Red, Green, Blue.</p> <p>Để lấy lại màu cũ, nhấn vào Reset colours to default. Chú ý các hàng có checkbox bên cạnh.</p> <p>2. Một số tùy chọn liên quan đến thông tin được cập nhật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Use price change color for (seconds): khi giá thay đổi, màu hiển thị giá sẽ thay đổi báo hiệu giá tăng hay giảm, sau một số giây (do ta nhập vào) giá sẽ trở về màu bình thường. - Show on market background: khi tick vào hộp kiểm này, các giao dịch

	<p>tại giá bid/ask tốt nhất sẽ được hiển thị bằng màu sắc của cell (On-Market Background), ngược lại sẽ hiển thị qua màu chữ (On-Market Foreground) .</p> <p>- For All Orders In TAG: Tick vào sẽ áp dụng “Show On-market background” cho tất cả các giao dịch trong nhóm tài khoản của bạn, chứ không chỉ riêng của bạn thôi.</p>
-Price-	<p>Fractional Prices: chuyển hiển thị giá giữa phân số và thập phân</p> <p>Lowest Common Denominator: hiển thị phân số tối giản</p> <p>Show Settlement Prices On Closing Column: hiển thị giá bù trừ thay vì giá đóng trong cột Hot Quotes’ Closing.</p>
-General-	<p>- Increase space between pull and action buttons: Tăng không gian giữa nút Pull với các nút tác vụ khác, giảm thiểu rủi ro do bấm nhầm nút.</p>  <p>- Display Reflector Button: hiển thị nút Reflector trong tất cả màn hình giao dịch của bạn.</p> <p>- Floating Reflector: cho bạn một màn hình Patsystems Reflector, chứa các hợp đồng được chọn.</p> <p>- Disable DOM: ngừng giao dịch trên DOM, mặc dù bạn vẫn có thể xem giá</p> <p>- Display Account Field: hiển thị trường Account trong màn hình giao dịch</p> <p>- Always Blank Lots: xóa bất kỳ khối lượng nào đã nhập trước đó mỗi khi bạn đặt lệnh mới. Điều này giúp bạn tránh được lỗi dùng lại số Lot cũ.</p> <p>- Order Sub State: hiển thị các sub-state của một lệnh trên cột Status của màn hình Status.</p>
-Fonts-	<p>Chọn font chữ mặc định cho J-Trader</p> <p>Bạn cần một Min Size và một Max Size, bởi vì trong một số trường hợp, font phải tự điều chỉnh kích thước cho vừa khi bạn thay đổi kích thước của</p>

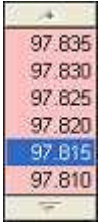
	cửa sổ. Max Size phải lớn hơn Min Size.
-Always On Top-	Tick vào các hộp kiểm (checkbox) dành cho các màn hình mà bạn muốn luôn nằm trên các màn hình khác.

General Tab



Bạn dùng tab này như sau:

Tab	Chức năng hiệu chỉnh
-Alerts-	<p>Các hộp kiểm để bật/tắt các dòng chữ và âm thanh thông báo sự kiện. Khi các thông báo và cảnh báo bị tắt, chúng ta có thể thấy chúng trong cửa sổ Message</p> <ul style="list-style-type: none"> - Display Alert Popup: Hiện thị từng dòng thông báo cho từng cảnh báo. - Display Fill Alert Popup: Cảnh báo khi một lệnh trong nhóm tài khoản giao dịch của bạn được thực hiện - Filter Fill Alert Popup: lọc các cảnh báo lệnh khớp bằng UserID. - Display RFQ Alert Popup: cảnh báo khi bạn nhận một thông báo request-for-quote từ một sở giao dịch <p>Một nút Close All nằm trên các cửa sổ cảnh báo cho phép xóa tất cả các cảnh báo, thay vì phải đóng từng cửa sổ.</p>

	<p>- Audible Alerts: Kích hoạt tất cả các âm thanh trong tab Sounds. Chú ý rằng các dòng chữ và âm thanh có thể được bố trí cho các cảnh báo một cách độc lập, có nghĩa là một cảnh báo có thể gắn với một dòng chữ thông báo, hay một âm thanh hay cả hai.</p>
-Price Tick Bar-	<p>Thiết lập các đặc tính cho các thang giá. Chúng xuất hiện khi bạn đặt con trỏ chuột vào một giá mua hay bán, để chọn các giá khác.</p>  <p>- Disable Tick Bar: Đóng hết các thang giá trên tất cả các màn hình</p> <p>- Number of prices []: Thiết lập bao nhiêu giá trị được thể hiện trên thang giá tại một thời điểm.</p> <p>- Only display for selected item: làm thang giá chỉ xuất hiện trên những hợp đồng chọn lọc. Ngược lại, thang giá sẽ xuất hiện bất kì khi nào bạn đặt con trỏ chuột lên một giá bất kì.</p>
-Messages-	<p>Bring New Messages to the Front: ép các dòng chữ cảnh báo xuất hiện trên tất cả các cửa sổ khác.</p>
-Diagnostics-	<p>Đánh dấu vào hộp kiểm tương ứng với mục nhật kí mà bạn muốn tạo.</p> <p>Sau khi được tạo, file nhật kí sẽ nằm trong thư mục C:\Program Files\PATs Jtrader Client</p>
-Shortcut Keys-	<p>Để gán các phím tắt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn một hàng chứa phím tắt mà bạn muốn gán cho một chức năng - Trong danh sách thả xuống, chọn chức năng bạn muốn. <p>Chú ý Show Trade Frame. Chức năng này dùng để lấy số thẻ giao dịch (trade ticket) với các giá trị bạn đã nhập vào. Bạn có thể gán nhiều phím tắt cho chức năng này.</p>

Tạo một mẫu Trader Ticket

Bạn có thể dùng các phím tắt để mở lệnh với các giá trị nhập sẵn. Bạn có thể chỉ định nhiều hơn một phím tắt bằng cách sau:

1. Từ màn hình chính của J-Trader, nhấn nút **Settings**
2. Trong màn hình Settings, chọn tab General
3. Trong khung –Shortcut Keys-, nhấn vào ô phía bên phải phím tắt mà bạn muốn sử dụng. Một danh sách thả xuống xuất hiện...



Chọn “Show Buy Ticket or Show Sell Ticket”

4. Nhấn nút [...] ở xa bên phải của hàng. Một màn hình giống như một vé mua (Buy Ticket) hay vé bán (Sell Ticket) xuất hiện nhưng có 2 điểm khác biệt:

- Có một nút **Save** ở vị trí mà bạn thường thấy nút **Buy** hoặc **Sell**.
- Không có nút **Change to Sell**/**Change to Buy**

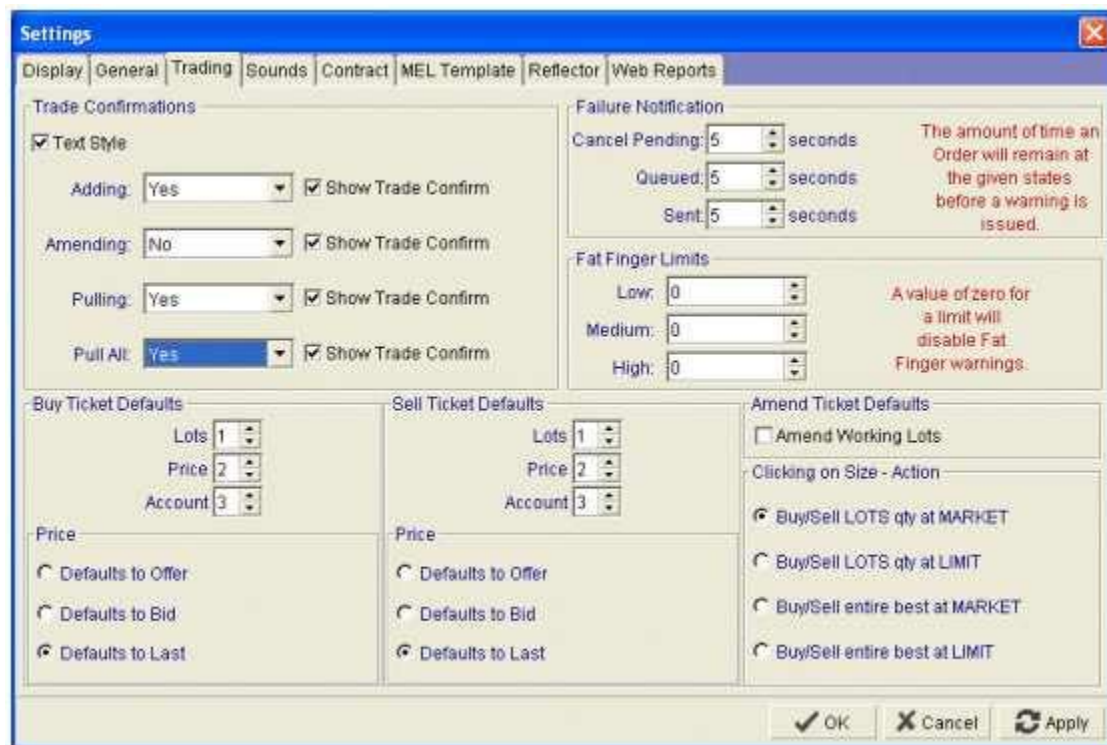
5. Điền vào ticket. Các trường được mô tả trong mục “Sử dụng một vé giao dịch”

6. Nhấn nút **Save**. Các điều chỉnh trên vé xuất hiện trên hàng của phím tắt.



7. Quay trở lại màn hình Settings. Nhấn nút **OK**.

Trading Tab



Bạn sử dụng tab này như sau

Tab	Chức năng hiệu chỉnh
-Trade Confirmations-	<p>Xác nhận giao dịch giúp bán hủy hoặc sửa đổi lệnh trước khi chúng tới sở. Để cấu hình/tắt chức năng này:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoặc đánh dấu vào hộp kiểm Text Style nếu bạn muốn một bản tóm tắt giao dịch với nút Yes/No, hoặc không đánh dấu nếu bạn một cả một vé giao dịch: - Với mỗi hành động cần xác nhận, đánh dấu vào hộp kiểm <input checked="" type="checkbox"/> Show Trade Confirm. - Với mỗi hàng được đánh dấu, bạn có thể chỉ định vị trí con trỏ khi hộp thoại xác nhận xuất hiện: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Nếu Text Style được chọn, bạn có thể chọn ở Yes, No, Middle (giữa Yes và No) và None (tại vị trí trước đó). ▪ Nếu Text Syle không được đánh dấu, bạn có thể chọn Buy/Sell hoặc Do Not Proceed <p>Chú ý: nếu giao dịch của bạn không có khối lượng lot, J-Trader sẽ tự động chọn vị trí Lots trên vé.</p>
-Failure Limits-	<p>Số lượng tối đa của lots (hoặc nhập '0' để không giới hạn):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Low: giới hạn bình thường. Ví dụ, nếu Low=50, J-Trader cảnh báo bạn từ 51 lot trở lên (bạn vẫn có thể thực hiện giao dịch). - Medium: các tình huống ngoại lệ, như là thực hiện giao dịch 100 lot để đảo ngược trạng thái 50 lot. Ví dụ, nếu Medium = 100, giao dịch từ lot 101 trở lên, cảnh báo ngưỡng Low rồi đến ngưỡng Medium sẽ xuất hiện. - High: Maxium lot size. J-Trader không cho phép bạn vượt qua ngưỡng này. <p>Những ngưỡng này đặc biệt quan trọng nếu bạn đang không sử dụng vé giao dịch và xác nhận giao dịch. Dùng các tùy chỉnh trong Sound tab, bạn có thể gán âm thanh khi các ngưỡng High và Low chạm đến. Nếu bạn muốn dung âm thanh, nhớ đánh dấu hộp kiểm Audible Alerts trong General tab.</p> <p>Lưu ý: đây là các ngưỡng phía người dung thiết lập, không chồng lấp các ngưỡng được các ngưỡng từ phía quản trị hệ thống</p>
-Buy Ticket Defaults-	<p>Đánh nhãn một lệnh theo các mục Lots, Price và Account trong buy tickets, với 1= mục đầu, 2=mục thứ hai, v.v...</p> <p>Chú ý Shift+Tab sẽ đánh nhãn ngược lại.</p> <p>Trong khung –Price-, chọn loại giá mặc định cho các buy ticket.</p>
-Sell Ticket Defaults-	Cũng tương tự như -Buy Ticket Defaults-
-Clicking on Size Action-	Hành động bạn muốn được thực hiện khi bạn nhấn vào kích thước (ví dụ như khối lượng) của một lệnh mua hay bán,

	<p>trong màn hình Hot Quotes and Matrix:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Buy/Sell LOTS qty at MARKET: lấy khối lượng hiển thị trong mục Lots, và mua/bán tại giá hiển thị. - Buy/Sell LOTS qty at LIMIT: lấy khối lượng hiển thị trong mục Lots, và dung giá bid/offer hiện tại như giá giới hạn - Buy/Sell entire best at MARKET: lấy đủ khối lượng hiện trên bảng giá (thay vì trên mục Lots), và mua/bán tại giá hiển thị. - Buy/Sell entire best at LIMIT: lấy đủ khối lượng hiện trên bảng giá (thay vì trên mục Lots) và dung giá bid/offer hiện tại như giá giới hạn. <p>Chú ý: nếu bạn chọn một hợp đồng với khối lượng mặc định, thì giá trị hợp đồng được ưu tiên. Xem Contract tab, Traded Lots.</p>
-Amend Ticket Default-	<p>Đánh dấu vào hộp kiểm Amend Working Lots nếu bạn muốn có thể sửa đổi từng phần của các lệnh đã nhập bằng một trade ticket.</p> <p>Khi đó, J-Trader sẽ cảnh báo bạn về rủi ro overfilling.</p>

Sound tab

Settings

Display General Trading **Sounds** Contract MEL Template Reflector Web Reports

Sounds

Account Limit Breached:

User Fill Received:

TAG Fill Received:

Order/Amend/Cancel Received:

Order/Amend/Cancel Rejected:

Fat Finger Lower Limit Warning:


Fat Finger Upper Limit Error:

Price Alert:

Market State Change:

Other:

OK Cancel Apply

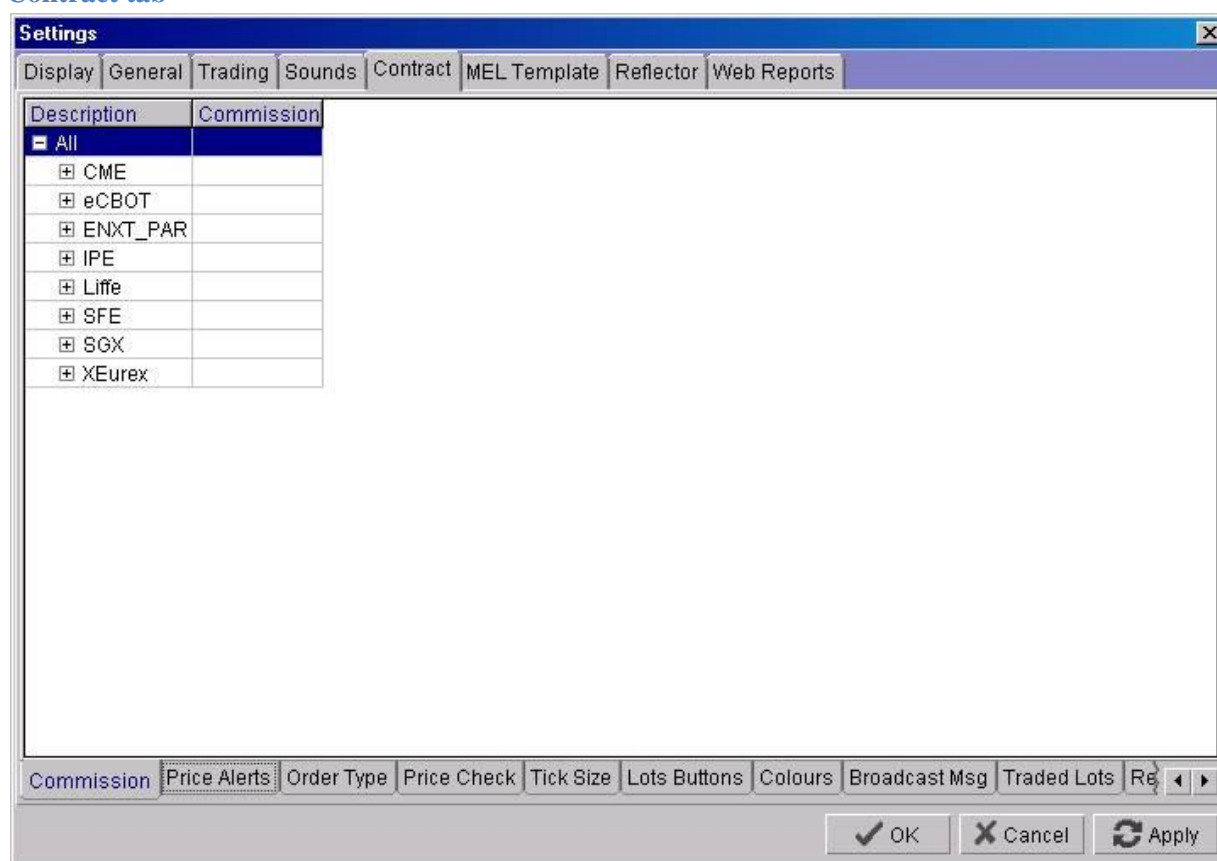
Bạn dùng tab này để cài đặt âm thanh đi kèm với các cảnh báo và thông báo. Bạn đặt con trỏ vào mục tương ứng, nút  xuất hiện, để chọn file âm thanh (.wav) mà bạn muốn.

Để chọn file âm thanh, bạn phải đánh dấu hộp kiểm Audible Alerts tại General Tab. Bạn có thể có cả âm thanh và các thông báo nếu hộp thoại Display Alert Popup tại General Tab được đánh dấu.

Các mục dùng để cài đặt âm thanh cho các sự kiện như sau:

Sự kiện	Chức năng hiệu chỉnh
Account Limit Breached	Một giới hạn áp dụng cho tài khoản bạn đang dùng bị vi phạm, khi bạn giao dịch quá nhiều công cụ, hoặc vượt các ngưỡng cho phép (như “buying power”).
TAG Fill Received	Khớp một trong các lệnh thuộc nhóm tài khoản của bạn
User Fill Received	Khớp cho một trong các lệnh của bạn
Amend/Cancel Received	Một lệnh sửa/hủy đã được thực hiện
Amend/Cancel Rejected	Một lệnh sửa/hủy bị từ chối
Fat Finger Lower Limit Warning	Ngưỡng của –Fat Finger Limits- Low, trong mục Trading tab, bị vi phạm
Fat Finger Upper Limit Error	Ngưỡng –Fat Finger Limits- High, trong Trading tab, bị vi phạm.
Price Alert	Giá thị trường đến ngưỡng cần thông báo
Mart State Change	Trạng thái thị trường thay đổi

Contract tab



Tab này được dành cho các đặc tính của các hợp đồng bạn có thể giao dịch. Với mỗi tab trong tab Contract:

1. Chọn tab cần xem
2. Từ danh sách cây, chọn mục mà bạn muốn thiết lập đặc tính. Đặc tính sẽ được áp dụng cho mục được chọn cũng như các mục con. Cấu trúc lớp của danh sách là: tất cả (All) -> các sở giao dịch (exchange) -> các công cụ/các sản phẩm (instruments) -> các kỳ hạn. Các đặc tính thiết lập ở mức thấp sẽ chồng lấp các thuộc tính thiết lập cho mức cao hơn.
3. Thiết lập thuộc tính
4. Ghi nhận thay đổi với nút **OK** hoặc **Apply**.

Sự kiện	Chức năng hiệu chỉnh
Commission	Phí hoa hồng trả cho trung tâm bù trừ với mỗi lot giao dịch
Price Alerts	Nhập các ngưỡng giá thấp và cao mà tại đó sẽ xuất hiện thông

	<p>báo</p> <p>Cảnh báo về giá sẽ xuất hiện chỉ khi hộp kiểm Display Alert Popup từ General tab.</p>
Price Check	<p>Bao nhiêu tick một trade có thể chênh lệch tối đa với giá khớp cuối cùng: ví dụ, nhập vào 6 sẽ cho bạn một cảnh báo nếu nhập vào 1 giá lớn hơn/nhỏ hơn 3 tick với giá khớp cuối cùng. Nếu bạn cố nhập một giá ngoài khoảng cho phép, J-Trader sẽ cảnh báo bạn, nhưng vẫn cho phép nếu bạn nhấn OK vào khung cảnh báo.</p>
Order Type	<p>Các loại lệnh mặc định</p> <p>Để xem danh sách các loại lệnh hỗ trợ, xem mục các loại lệnh (OrderTypes).</p>
Tick Size	<p>Bao nhiêu tick được hiển thị trong Hot Quotes tick bar: ví dụ, các giao dịch front-month Globex Eurodollar dùng quarter-tick, trong khi các giao dịch back-month dùng half-ticks. Với chức năng này, bạn có thể set số lượng tick trên mỗi hợp đồng.</p>
Lots Buttons	<p>Các giá trị cho phím số lot, được hiển thị trong màn hình đặt lệnh</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Set Default sẽ reset các giá trị về mặc định của J-Trader ▪ Set Parent sẽ reset các giá trị theo giá trị của node cha
Colors	<p>Các màu sắc cho các ô trên lưới (màn nền) và nội dung bên trong (màu chữ)</p>
Broadcast Message	<p>(chỉ áp dụng cho mức Exchange)</p> <p>Cho phép phát thông báo từ một sở xác định</p>
Traded Lots	<p>Khối lượng mặc định. Bạn có thể nhập giá trị khác trên màn hình giao dịch</p>
Reflector	<p>Số chữ số của giá cho các cột trên màn hình Reflector:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Hold Price Ticks: cột Price ▪ Hold Order Ticks: cột Order

MEL Template Tab

Bạn dùng MEL Template tab của hộp thoại Settings để tạo các chiến thuật multi-legged không được các sở giao dịch hỗ trợ: xem thêm tại Sử dụng các chiến thuật (MELs).

Reflector Tab


The screenshot shows the 'Settings' dialog box with the 'Reflector' tab selected. The dialog has several sections:

- Default Window Size:** Width: 250, Height: 750.
- Fixed Price Amendment:** ☒ Enable.
- Inside Market Popup:** ☐ Hide Inside Market, Number of prices: 15.
- Split Bar:** Size: Small.
- Inside Market Indication Flash:** ☐ Disable, Flash Interval: 200, No of Flashes: 5.
- General:** ☒ Hold Orders, ☒ Hold Prices, ☒ Indicate Orders outside display, ☐ Set Protection Levels.
- Protection Orders:** ☐ Enable Flatten (Order Type: Market), ☐ Enable Reverse (Order Type: Market).

Buttons at the bottom: OK, Cancel, Apply.


Các tùy chọn để cấu hình cho màn hình Patsystems Reflector như sau:


Tham số	Chức năng hiệu chỉnh
-Default Window Size-	Kích thước mặc định của màn hình Patsystem Reflector
-Fixed Price Amendment-	<p>Các thức bạn điều chỉnh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Nếu hộp kiểm Enable được đánh dấu, một màn hình giá xuất hiện kế bên lệnh khi bạn kéo thả vào (và click chuột phải) vào 1 giá khác. Với mỗi bước giá trên thang giá bạn rê chuột tới, giá hiển thị thay đổi 1 tick. Khi bạn thả chuột phải, lệnh sẽ được chỉnh về giá mới ▪ Nếu hộp kiểm Enable không được đánh dấu, bạn không thấy được cửa sổ giá. Để chỉnh giá của lệnh, click chuột phải lên lệnh và chọn giá mới từ thanh tick vừa xuất hiện
- Split Bar-	Độ rộng của một thanh ngang chia các giá mua và giá bán tốt nhất
-Inside Market Indication Flash-	Chớp trên thanh split bar, khi một inside market xuất hiện hoặc một dữ liệu của inside market thay đổi.

	Bạn có thể chọn màu của split bar bằng Display tab – Colours- .
-Inside Market Popup-	Số lượng các giá inside market được hiển thị trong màn hình Inside Market pop-up. Và chọn Hide Inside Market để dấu thông tin này.
-General-	<p>Đánh dấu các đặc tính mà bạn muốn:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Hold Orders: giữ một lệnh trên bước giá hiện tại của thang giá khi bạn đặt con trỏ lên nó. Giữ lệnh này nghĩa là bạn không phải kéo nó lên xuống bằng con chuột khi giá thay đổi. ▪ Hold Prices: Như bên trên, nhưng dành cho giá, thay vì các lệnh. ▪ Indicator Orders outside display: Nút cuộn thang giá thay đổi màu sắc nếu có một lệnh vượt ra ngoài các bước giá trên màn hình. ▪ Set Protection Levels: kích hoạt trường protection-order. Bạn có thể thấy (và thay đổi) những thiết lập mặc định trong mỗi màn hình Reflector, bằng cách click vào  ở góc dưới phải.
-Protection Orders-	<p>Đánh dấu đặc điểm protection-order bạn muốn:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Enable Flatten (Order Type): Kích hoạt Pull&Flatten, một nút hủy các lệnh đang chờ khớp và đặt 1 lệnh để flatten các vị thể hiện tại. ▪ Enable Reverse (Order Type): Kích hoạt Reverse, một nút hủy các lệnh và đặt một lệnh để đảo ngược vị thể hiện tại.

Cấu hình màn hình Hot Quotes

Trong màn hình Hot Quotes, bạn có thể:

Để làm điều này	Thực hiện các bước sau
Filter contracts	<p>Để lọc các hợp đồng được hiển thị:</p> <p>1. Nhấn chuột vào  trong khung bên trái:</p>

	 <p>2. Nhấp vào một phần của hệ thống cây phân cấp có chứa các hợp đồng bạn muốn xem. Để hoàn tác bất kỳ lọc, chỉ cần nhấp vào All ở trên cùng của cây.</p> <p>3. Để đóng cây, nhấp ◀.</p> <p>Lưu ý: nếu một item không được gắn vào cây, bạn không thể thêm item đó vào lưới.</p>
Accounts for the Account field	Sử dụng tab Accounts, bạn có thể thiết lập một tài khoản mặc định, và kiểm soát các tài khoản được liệt kê trong danh sách lựa chọn thả xuống. Xem Thiết lập Tài khoản Mặc Định (trang 20).
Change the display font	Nhấp vào A . Bạn sẽ cần cả Min Size (4-36pt) và Max Size (4-36pt) bởi vì các cỡ chữ trong lưới giá điều chỉnh cho vừa khoảng không sẵn có khi bạn co giãn cửa sổ. MaxSize không thể nhỏ hơn MinSize.
Switch between one and two lines per contract	Nhấn vào 1 Line hoặc 2 Lines
Adjust columns (order, width and selection)	Bạn có thể di chuyển 1 cột tới một vị trí mới, điều chỉnh độ rộng.
Other changes	Có một vài thay đổi khác mà bạn có thể làm (giống như thay đổi màu) vốn không dành cho màn hình Live Quotes

Các cột Hot Quotes

Nhấp chuột phải vào lưới của màn hình Hot Quotes và nhấp vào Select Columns để chọn từ các cột sau:

Cột	Giải thích
Bid Price Bid Volume Offer Price Offer Volume	Các cột 'Price' gồm: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Bid Price: Giá mua tốt nhất trên thị trường ▪ Offer Price: Giá bán tốt nhất trên thị trường ▪ Last Traded Price: Giá khớp cuối cùng của hợp đồng này

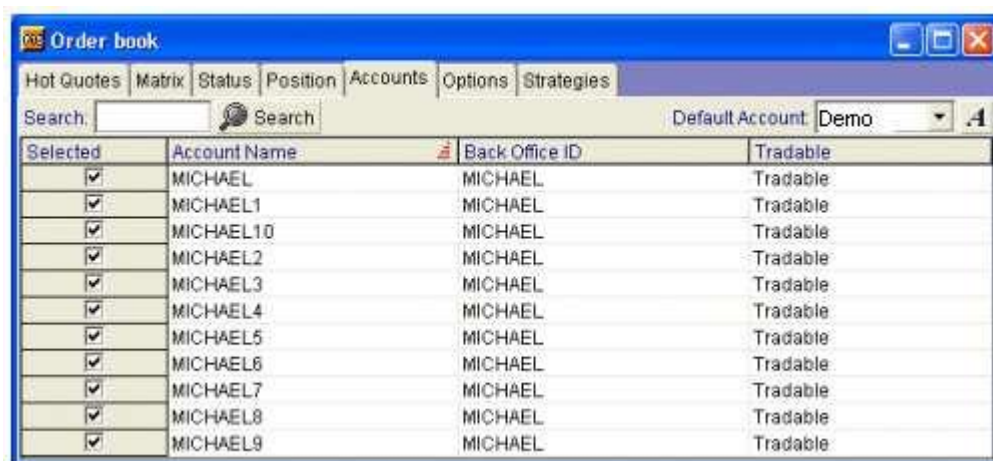
Last Traded Price Last Traded Volume	Các cột 'Volume' chỉ khối lượng giao dịch tương ứng với các cột trên.
Low Price High Price	Các giá lớn nhất/nhỏ nhất của công cụ này trong suốt ngày giao dịch, hoặc phiên giao dịch
Opening Price	Giá mở cửa: Giá khởi điểm của công cụ tại thời điểm bắt đầu ngày, hoặc phiên giao dịch hiện tại
Closing Price	Giá đóng cửa: giá cuối cùng của công cụ tại thời điểm kết thúc ngày hoặc phiên giao dịch hiện tại
Total Traded Volume	Tổng hợp khối lượng của tất cả các giao dịch của công cụ này trong ngày giao dịch, hoặc phiên giao dịch hiện tại.
Change (Last-closing)	Khác biệt giữa giá đóng cửa ngày trước với giá giao dịch cuối cùng
Contract Status	Trạng thái của sở giao dịch (sẽ ảnh hưởng tới trạng thái của hợp đồng tại sở giao dịch), bao gồm 1 trong các trạng thái sau: Normal; Ex-Dividend, Auction, Suspended, Closed, Pre-Open, Pre-Close, Fast-Market
Position	Vị thế mua/bán bao nhiêu, trong một tháng hợp đồng cụ thể.
Settlement	Giá thanh toán hàng ngày của ngày hôm qua

Thiết lập các tài khoản mặc định

Tất cả các tab trong một cửa sổ giao dịch (trừ Reports và Accounts) có một trường gọi là Account, để lựa chọn tài khoản của nhà kinh doanh mà bạn muốn sử dụng. Điều này giả định rằng tại màn hình Settings, tab Display (trang 11), hộp kiểm Display Account Filed được chọn: nếu không, trường Account chỉ xuất hiện trên màn hình Status và Positions.

Đối với các trường Accounts này, bạn có thể thiết lập Account mặc định và các tài khoản xuất hiện trong danh sách thả xuống:

1. Trong cửa sổ giao dịch mà bạn muốn thiết lập tài khoản mặc định, chọn tab Accounts.



2. Nếu bạn có một danh sách dài các tài khoản, bạn có thể lọc danh sách:
- i. Trong lĩnh vực tìm kiếm, nhập tên: hoặc chữ cái đầu (s) hoặc tên đầy đủ.
 - ii. Nhấn Search. Các tài khoản phù hợp được tô đậm trong danh sách.
3. Nếu cần thiết, bạn có thể sắp xếp và lọc (trang 22) trong danh sách các tài khoản.
4. Bây giờ:

Cột	Giải thích
Default Account	Tài khoản bạn muốn chọn bằng mặc định trong tất cả các trường Account cho cửa sổ giao dịch
Selected	Đánh dấu hộp kiểm để các tài khoản bạn muốn xuất hiện trong danh sách thả xuống trường Account cho cửa sổ giao dịch này.

Chương 4: Giao dịch với J-Trader

Chương này giải thích các cách thức khác nhau để bạn có thể giao dịch với J-Trader.

Tổng quan về giao dịch trong J-Trader

Trước khi bạn bắt đầu giao dịch, xin vui lòng đọc các chương Cấu hình J-Trader (trang 10): đặc biệt là tab Trading (trang 14), vì các cài đặt này ảnh hưởng đến các lệnh bạn tạo ra.

1 Mở một cửa sổ giao dịch hoặc, nếu không tồn tại, tạo ra một bằng cách nhấp vào **New** trên menu chính của J-Trader.

2 Chọn tab bạn muốn giao dịch.

Bạn có thể chọn bất kỳ tab với nút **Trade** (tất cả các tab ngoại trừ Positions và Accounts).

Các tab Trade như sau:

Tab (Page)	Giải thích
Hot Quotes	<p>Một màn hình từ nơi bạn có thể giao dịch nhiều công cụ, bao gồm cả các chiến lược, nhưng mà chỉ có giá giao dịch cuối cùng được hiển thị.</p> <p>Bạn có thể xem chiều sâu thị trường bằng cách:</p> <ul style="list-style-type: none">• Double-click vào một hợp đồng, sẽ mở ra một màn hình DOM (trang 27).• Nhấp vào Reflector, trong đó sẽ mở ra một màn hình Patsystems Reflector™. Nút này cũng có sẵn từ các màn hình Options và Strategies, cả hai đều được mô tả dưới đây. <p>DOM và Patsystems Reflector™ hiển thị thông tin tương tự, nhưng chức năng hơi khác nhau: Patsystems Reflector™ cung cấp nhiều hơn các chức năng.</p>
Matrix screen	Một màn hình cho giao dịch <i>calendar spreads</i>
Status	Màn hình này giống như một sổ lệnh, bạn dùng nó để kiểm tra trạng thái các lệnh (đang chờ khớp hay đã khớp) trong một tài khoản hiện tại
Options Strategies	<p>Các màn hình để giao dịch Options và Trategies</p> <p>Trong cả 2 màn hình bạn có thể xem chiều sâu thị trường bằng cách nhấp vào Reflector sẽ mở ra một màn hình Patsystems Refector™.</p>

Các tabs còn lại là:

Tab (Page)	Giải thích
Position	Bạn có thể xem các vị thế chung của một tài khoản, và chia nhỏ nó theo sổ giao dịch và công cụ
Accounts	Thiết lập các tài khoản sẽ xuất hiện trong các danh sách thả xuống trường Account khác nhau, và chỉ định tài khoản nào sẽ được lựa chọn trong mỗi trường Account mặc định.

Bạn có thể có các cửa sổ giao dịch khác nhau mở cùng lúc, và tạo ra một tập hợp các cửa sổ giao dịch cho các môi trường giao dịch khác nhau

Sắp xếp và Lọc danh sách

Trong màn hình Status, màn hình Accounts và màn hình Build Order Input, bạn có thể xếp và lọc cách hiển thị:

- Sắp xếp: Left-click vào tiêu đề cột có liên quan, ví dụ như Exchange để sắp xếp theo sổ giao dịch. Click một lần nữa và các lệnh được chuyển từ tăng dần / giảm dần. Chú ý biểu tượng chỉ ra các cột và hướng sắp xếp:



Order ID	St	Chk	Exchange	
157972	R		Liffe	E

- Lọc: Nhấp chuột phải vào một tiêu đề cột và chọn một mục. Ví dụ, đối với các lệnh từ một trong những sổ giao dịch duy nhất, kích chuột phải vào cột Exchange và chọn sổ giao dịch có liên quan. Đối với một số cột, bạn có một trường có thể chỉnh sửa, để nhập phạm vi lọc: ví dụ, E * cho tất cả các mục bắt đầu bằng chữ cái 'E'.

Tiêu đề của một cột bị lọc sẽ đổi màu.

Để khôi phục lại một danh sách lọc, click chuột phải vào bất kỳ ô lưới (không phải là tiêu đề cột) và chọn Remove All Filters hoặc Remove <Tên cột> Filter. Các tùy chọn khác trong trình đơn pop-up được giải thích tại mục Điều Chỉnh Cột (trang 23). Cũng thông báo rằng bạn có thể sắp xếp lại các cột bằng cách kéo chúng theo nhóm của mình đến một vị trí mới.

Điều chỉnh cột

Trong màn hình với các cột, bạn có thể nhấp chuột phải vào tiêu đề cột và kéo cột vào một vị trí mới. Bằng cách nhấn chuột phải vào ô, bạn sẽ có được một trình đơn pop-up với một số hoặc tất cả các lựa chọn sau:

Lựa chọn	Giải thích
Select Columns...	Cho bạn các hộp kiểm để xác định cột nào bạn muốn hiển thị trong tab được chọn

Size Columns to Fit Screen	Những lựa chọn sau dành để điều chỉnh kích thước các cột: <ul style="list-style-type: none"> • Size Columns to Fit Screen: điều chỉnh các cột cho vừa với độ rộng của màn hình. • Size All Columns to Contents: điều chỉnh tất cả các cột bao gồm cả tiêu đề cho vừa với dữ liệu chúng chứa. • Size Column to Contents: điều chỉnh các cột được chọn hiện tại cho vừa với chiều rộng của dữ liệu chúng chứa.
Rename Columns	(Chỉ dành cho màn hình Hot Quotes) Cho một hộp thoại để thay đổi tên cột
Remove <tên cột> Filter Remove All Filters	Hủy các chế độ lọc bạn đang sử dụng

Các loại lệnh

Phần này trình bày các loại lệnh sẵn có trong Pro-Mark và J-Trader. Chú ý các điểm sau:

Các loại lệnh nào sẵn có phụ thuộc vào sở giao dịch.

- Bạn có thể giao dịch các loại Limit, Market, Stop và GTC Limit từ Live Quotes và các màn hình giao dịch chuẩn khác, sử dụng các trade initiator để thiết lập các loại lệnh mặc định. Đối với các loại lệnh khác, bạn sẽ cần dùng một ticket:
 - Đối với các giao dịch AA, basis, block, buy-and-sell, và cross; sử dụng một *ticket tùy chỉnh*.
 - Đối với tất cả các loại khác, sử dụng một *ticket chuẩn*.
- Một dấu chấm than (!) chỉ ra một loại lệnh tổng hợp, cụ thể là loại lệnh xử lý qua Patsystems' SyOMS (Synthetic Order Management System) bởi vì sở giao dịch không hỗ trợ loại lệnh này. Một dấu thăng (#) chỉ ra một loại lệnh tổng hợp tại phía chương trình người dùng front-end thay vì tại SyOMS.
- Các loại lệnh trong ô màu xanh chỉ có sẵn trong ứng dụng Pro-Mark, và những loại in đậm chỉ có sẵn nếu bạn mua bản SyOMS Pro.




Loại lệnh	Định nghĩa
AA (Against Actuals)	Giao dịch cho phép người tham gia thị trường vật chất trao đổi hợp đồng tương lai bên ngoài sổ lệnh trung ương để định giá trực tiếp liên quan đến vật lý hợp đồng. Còn được gọi là exchange-for-physical (EFPs).
Basis	Hợp đồng cho phép một nhà kinh doanh tham gia vào một

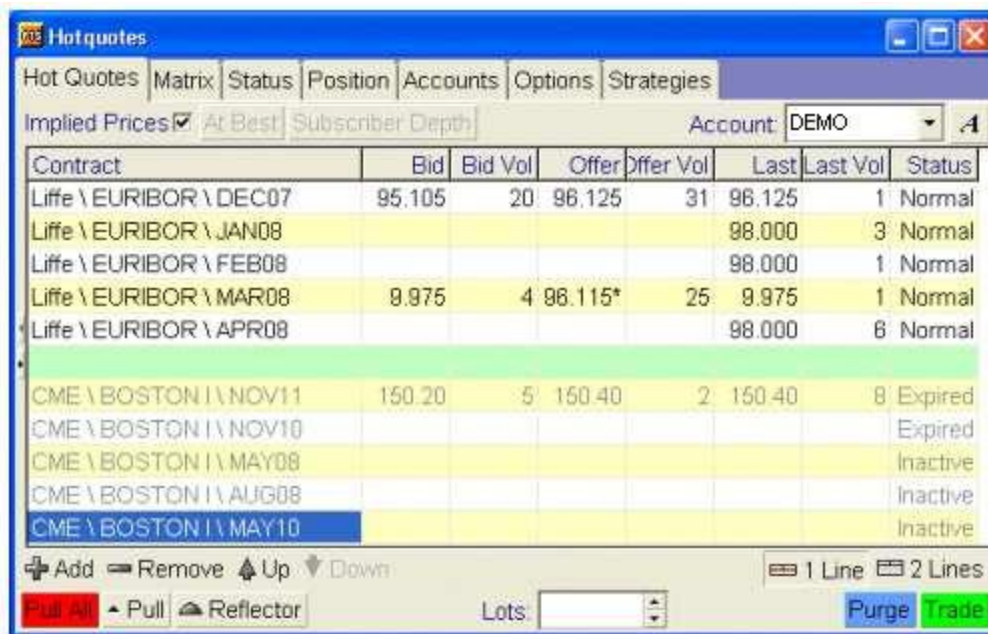
	<p>giao dịch có liên quan đến cả một hợp đồng tương lai và một công cụ tiền mặt tương ứng. Như vậy, họ có thể bao gồm các hợp đồng <i>bond và swap futures, equity index futures và Short Term Interest Rate (STIR) futures</i>.</p> <p>Nhiều công cụ tiền mặt khác nhau có sẵn để tạo thành <i>cash leg</i> của các giao dịch basis.</p>
BI Limit	<p>Order request được client gửi tới broker, để broker xử lý.</p> <p>Chú ý: Can thiệp của broker là duy nhất</p>
Block	<p>Giao dịch liên quan đến nhiều chứng khoán cùng một lúc. Thông thường, chỉ có các nhà đầu tư tổ chức thực hiện các giao dịch lớn như vậy, và giao dịch khối (block trading) được giới hạn cho một số vai trò người dùng Pro-Mark nhất định. Các lệnh block-trade phải bao gồm một bên mua, bên cạnh một bán, giá cả giao dịch và một khối lượng.</p>
Bracket #	<p>Một lệnh 2 chân, <i>two-leg order</i>, (stop vs limit) mà mục tiêu lợi nhuận được thiết lập với một lệnh giới hạn, trong khi một stop order đảm bảo sự bảo vệ khỏi thiệt hại</p>
Cross	<p>Đồng thời gửi tới sở giao dịch một lệnh mua và một lệnh bán, tại cùng một giá và khối lượng như nhau. Các giao dịch chéo có thể được giữa một thương nhân và một nhà tạo lập thị trường, hoặc giữa hai thương nhân.</p>
Ghost!	<p>Lệnh hạn chế tổng hợp là lệnh của Patsystems chứ không phải của sở giao dịch, làm nó vô hình thị trường. Nếu giá bid/offer tốt nhất khớp với giá của bạn, lệnh sẽ được kích hoạt. Nếu lệnh ma (ghost order) không khớp ngay lập tức, bất kỳ số lot nào chưa khớp sẽ bị hủy và đặt lại như một lệnh ma.</p>
GTC [loại lệnh]	<p>(Good Till Cancel)</p> <p>Tương tự như các lệnh không GTC tương đương của nó, ngoại trừ bất kỳ lệnh vẫn đang chờ khớp không được hủy bỏ lúc kết thúc ngày giao dịch.</p> <p>Lưu ý: Bạn có thể giao dịch các lệnh GTC Hạn chế từ màn hình chuẩn như Live Quotes, nhưng đối với bất kỳ loại lệnh khác của GTC, bạn sẽ cần phải sử dụng một <i>standard ticket</i></p>
GTD [order type]	<p>(Good Till Date)</p> <p>Tương tự như các lệnh không GTC tương đương của nó, ngoại trừ bất kỳ các lệnh chờ khớp không bị hủy bỏ ngày cho đến ngày đã định. Các lệnh TC, bạn sẽ cần phải sử dụng một <i>standard ticket</i></p>

Iceberg!	Lệnh có khối lượng lớn gửi đến thị trường như là một loạt các lệnh nhỏ hơn ('clip') để giấu thị trường kích thước đầy đủ của đơn hàng.
Limit	Lệnh được sử dụng để vào một vị thế mới, hoặc để thoát khỏi một vị thế mở ở một mức giá cụ thể hoặc tốt hơn. Một lệnh giới hạn hủy từ một sở nếu: <ul style="list-style-type: none"> • Bạn khớp hoặc hủy bỏ nó • Nó vẫn chờ khớp tại thời điểm đóng của ngày giao dịch.
[order type] FAK	(Limit FillAnd Fill, aka balance cancelled) Lệnh được thực hiện đối ứng với bất kỳ lệnh hiện tại với mức giá quy định hoặc tốt hơn, lên đến khối lượng lệnh. Bất kỳ khối lượng còn sót lại từ đơn hàng này sau đó ngay lập tức bị hủy bỏ
[orde type] FOK	(Limit Fill Or Kill) Lệnh hoặc khớp hoàn toàn tại một giá xác định (hoặc tốt hơn) hoặc bị hủy bởi sở giao dịch
Market	Lệnh thực hiện ngay lập tức, tại giá tốt nhất có thể khi lệnh đến được sở giao dịch
MIT!	(Market If Touched) Tương tự như một lệnh giới hạn trong đó một mức giá cụ thể được đặt trên lệnh. Tuy nhiên, một MIT để tổng hợp sẽ trở thành một lệnh thị trường khi giá đạt đến giới hạn ('chạm'). Một lệnh MIT mua được đặt thấp hơn giá thị trường và một MIT bán được đặt trên giá thị trường.
MktTLmt	Lệnh thị trường với một giới hạn (một số lượng tick tối đa mà giá có thể thay đổi), cho những sở không chấp nhận lệnh thị trường.
MOO	(Market On Open) Lệnh thị trường tự động gửi khi thị trường mở cửa và khớp tại giá thị trường
OCOLmtStp!	(One Cancels Other/ Order Cancels Order) Một lệnh 2 chân (stop vs limit) có mục tiêu lợi nhuận được thiết lập bằng một lệnh giới hạn và một lệnh dừng để phòng lỗ.
Protect!	Giống như một lệnh Bracket#, ngoại trừ việc bạn có thể thiết lập 3 mức lợi nhuận mục tiêu (nhưng chỉ trước khi lệnh được tạo ra)
RFQ	(Request for Quote) Một yêu cầu, gửi tới nhà tạo lập thị trường, cho một báo giá của một hợp đồng hiện giờ không có giá Đối với các hợp đồng Eurodollar của Chicago Mercantile Exchange, bạn có: <ul style="list-style-type: none"> • RFQI: RFQ, giá tham khảo

	<ul style="list-style-type: none"> RFQT: RFQ, giá có thể giao dịch
Rsvd Qty	Giống như một lệnh iceberg, ngoại trừ việc bạn không thể dùng khối lượng chia nhỏ ngẫu nhiên
Stop!	Lệnh dùng để: <ul style="list-style-type: none"> Tối thiểu thiệt hại trên một vị thế long hoặc short Bảo vệ lợi nhuận trên một vị thế long hoặc short đang mở Bắt đầu một vị thế long-short mới
StopLimit	Lệnh liệt kê hai giá, một giá dừng và một giá giới hạn, để kiểm soát nhiều hơn tại giá lệnh được khớp. Khi lệnh được kích hoạt, lệnh sẽ không khớp tại giá vượt qua giá giới hạn.
Timed [order type]	Tương tự như lệnh non-timed tương đương, ngoài việc nó được gửi tại một ngày giờ thiết lập sẵn
TimeSlice!	Thực thi một lệnh lớn bằng nhiều lệnh nhỏ hơn trong một khoảng thời gian xác định, yêu cầu chọn khối lượng chia nhỏ hoặc chu kỳ gửi lệnh
TrStop!	(Trailing stop) Một lệnh dừng đi theo biến động của giá thị trường
WithATick!	Cũng được gọi là ‘finessing’, một giao dịch cho phép bạn thực hiện khối lượng giảm dần tại một mức giá không thuận lợi, như là một chỉ báo cho một biến động giá sắp xảy ra, bằng cách di chuyển giá lệnh của bạn theo biến động này.

Giao dịch với màn hình Hot Quotes

- Để giao dịch bằng cách sử dụng các màn hình Hot Quotes:
 Trong bất kỳ cửa sổ giao dịch, chọn tab Hot Quotes.
 Nếu không có cửa sổ giao dịch được mở, chọn New trên menu chính.
- (khuyến nghị) Cấu hình Màn hình Hot Quotes
- Chọn các hợp đồng bạn muốn giao dịch:
 - Nhấp  vào phía dưới bên trái của màn hình. Một danh sách phân cấp xuất hiện.
 - Nhấp  để mở rộng danh sách phân cấp (All > exchanges > instruments > contracts) và  để đóng danh sách. Chọn một mục bạn muốn bằng cách double-click vào chúng (Ctrl-click hoặc shift-click để chọn nhiều mục)
 Bạn có thể chọn các mục được tô đậm bằng cách nhấn spacebar



- iii. Để hủy hoặc định lại vị trí một hợp đồng, tô đậm nó rồi nhấp vào **Remove**, **Up** hoặc **Down**

Nếu màn hình có các hợp đồng hết hạn, nút **Purge** (góc dưới-phải của màn hình) được enabled. Nhấn vào nút này sẽ loại bỏ hết các hợp đồng hết hạn và các lệnh liên quan từ màn hình Hot Quotes (và trên toàn bộ J-Trader)

4. Xác định các trường sau:

Trường, ...	Nhập hoặc chọn
Implied Prices	Đánh dấu nếu bạn muốn giá mặc nhiên được tính toán, hoặc không đánh dấu nếu bạn muốn thấy giá thực tế. Giá mặc định được hiện thị với một dấu sao (*). Lưu ý: Đối với FX, sự chuyển đổi này không ảnh hưởng bất kì điều gì, vì giao dịch giao ngay không thể có giá mặc nhiên (implied prices)
Account	Tài khoản nhà đầu tư. Đối với FX, bạn không thể sử dụng một tài khoản dùng cho các hợp đồng tương lai (và ngược lại) Chú ý: Bạn có thể thiết lập một tài khoản mặc định, và quản lý tài khoản nào được hiển thị trong danh sách thả xuống, dùng tab Accounts.
Lots	Chọn hoặc nhập số lot giao dịch Bạn có thể thiết lập số lot mặc định theo sở giao dịch, công cụ và hợp đồng, bằng màn hình Settings, tab Contract

5. Để giao dịch, nhấn vào một trong các mục sau:

Nhấn vào đây	Làm việc này
Contract	Double-click vào cột Contract để gọi lên màn hình DOM, từ nơi bạn có thể thấy chiều sâu hiện nay của thị trường, và nhập lệnh. Màn hình hiển thị tất cả các giá bid/offer tại thị trường trong thời gian thực, với những giá tốt nhất ở đầu mỗi danh sách. Mẹo: Màn hình DOM là một cách nhanh chóng và thuận tiện để xem độ sâu của thị trường. Tuy nhiên, để giao dịch, màn hình Patsystems Reflector™, truy cập bằng cách nhấp vào Reflector, cung cấp nhiều tính năng hơn.
Bid Offer	Tạo lệnh giới hạn Nếu tab General, hộp kiểm Disable Tick Bar không được đánh dấu, bạn dùng một thanh tick bar để chọn các giá bids/offers khác nhau
Bid Vol Offer Vol	Tạo một lệnh có loại (thị trường hoặc giới hạn) và khối lượng (trên lưới, hoặc trong trường Lots) phụ thuộc vào việc bạn chọn Clicking on Size hay Action trong tab Trading
Last	Liệt kê 20 giá giao dịch gần nhất, khi đó giá Last+0 là giá giao dịch gần nhất, giá Last+1 là giá giao dịch kế cận, v.v... Đối với MELs, nhấp vào ô Last sẽ hiện ra màn hình tính giá.
Reflector	Gọi màn hình Patsystems Reflector™, nơi bạn có thể xem chiều sâu của thị trường, tham gia bid/offer
Trade	Mở một mã số giao dịch (trade ticket). Từ nút Ticket, bạn có thể chọn các loại giao dịch: Basis, Block, Against Actual, OCT và Cross. Block, Basis và AA chỉ có khi loại hợp đồng hỗ trợ loại giao dịch này

Chú ý hai nút sau:

- Subscriber Depth mở một cửa sổ chia độ sâu thị trường thành các khối lượng lệnh riêng biệt
- At Best (chỉ dành cho Sydney Futures Exchange) mở một cửa sổ liệt kê, đối với giá tốt nhất, các khối lượng đang trong hàng đợi. Giá mặc nhiên được hiển thị với một dấu sao.

6. Để hủy lệnh (tức là rút lệnh khỏi sổ giao dịch), bạn có thể dùng các nút sau:

- ^ Pull để hủy chỉ các giá bids, chỉ các giá offer, hoặc cả giá bid/offer cho hợp đồng được chọn
- Pull All hủy hết tất cả các giá bid/offer cho các hợp đồng của nhà kinh doanh này (trường Account)

	<ul style="list-style-type: none">▪ Ask: Thêm gia offer tại giá offer tốt nhất hiện tại▪ Bid: Tham giá bid tại giá bid tốt nhất hiện tại▪ Take: Mua tại offer												
Lệnh giới hạn, với một khối lượng xác định	<p>Nhấp vào cột Volume tại giá bạn muốn mua. Ví dụ, nhấp vào đây:</p> <table><tr><th>Price</th><th>Volume</th><th>Accum</th></tr><tr><td>99.000</td><td>5</td><td>5</td></tr><tr><td>98.990</td><td>15</td><td>20</td></tr><tr><td>10.000</td><td>21</td><td>41</td></tr></table> <p>... đặt lệnh có giá bid tại 98.990 cho 15 lots</p>	Price	Volume	Accum	99.000	5	5	98.990	15	20	10.000	21	41
Price	Volume	Accum											
99.000	5	5											
98.990	15	20											
10.000	21	41											
Lệnh thị trường	Nhấn vào cột Accum, sẽ hiện lên số lượng các giá đang sẵn sàng cho tới giá đang hiển thị												

Bạn không thể hủy lệnh từ màn hình DOM, nhưng bạn có thể dùng màn hình Status, nơi bạn cũng có thể xem trạng thái các lệnh của bạn.

Chương 5:

Giao dịch với Patsystems Reflector


Reflector™ là một màn hình dạng thang giá mà bạn có thể giao dịch mức sâu nhất của thị trường cho một hợp đồng, bao gồm ‘giá bên trong’ (giá không có khối lượng nằm giữa các bid và offer).

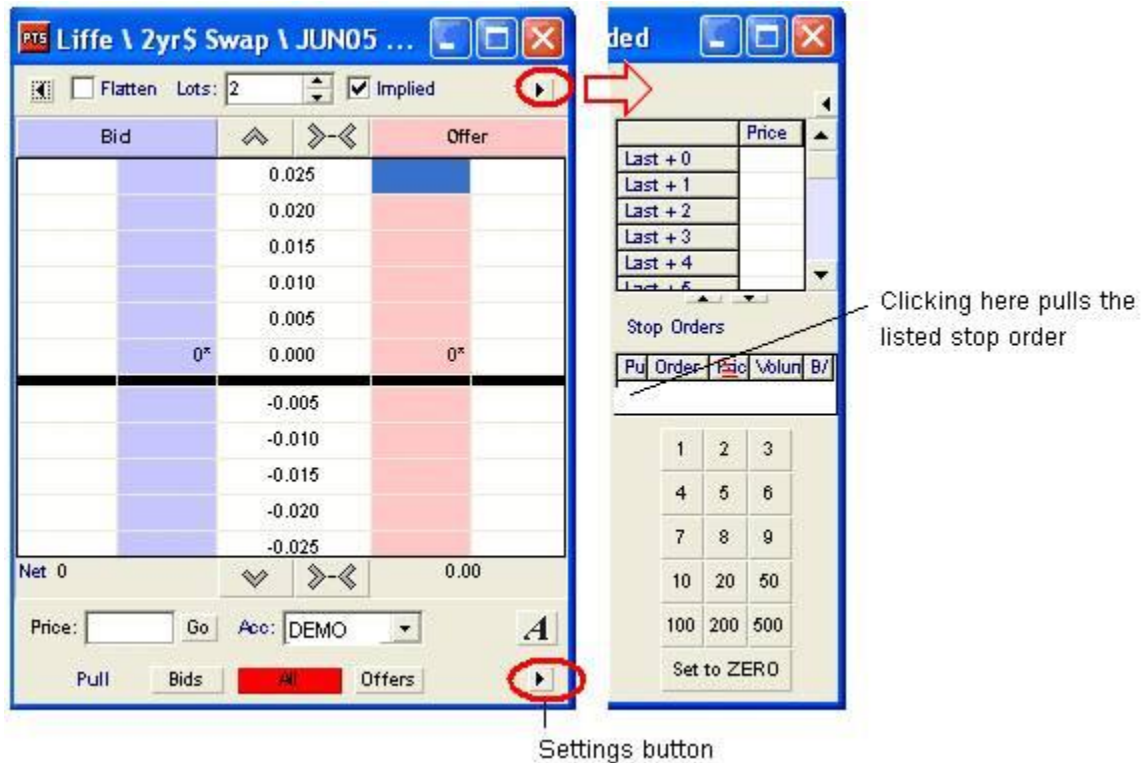
1. (khuyến nghị) Thiết lập cấu hình Reflector™ bạn thích (trang 18).
2. Trong màn hình Hot Quotes, đánh dấu một hợp đồng.

Các màn hình Patsystems Reflector™ cũng có thể được mở từ các màn hình Options (trang 44) và Strategies (trang 42)

3. Click vào **Reflector** (phía dưới bên trái của màn hình Hot Quotes).

Một màn hình Reflector sẽ mở ra.

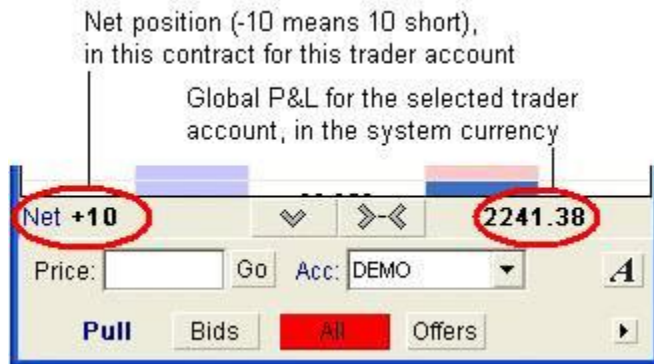
Nút  (góc trên bên phải) sẽ mở ra một cửa sổ hiển thị các giá giao dịch cuối cùng (Last+0 = giá cuối cùng,...) một danh sách các lệnh dừng của bạn, và một bảng lots.



Các giá phản ánh biến động thị trường bằng cách di chuyển lên và xuống các bậc thang, giá tốt nhất hiện tại của bid (màu xanh) và offer (màu đỏ) được bên cạnh thanh ngang trung tâm. Khối lượng hiển thị màu xanh lá cây là khối lượng giao dịch cuối cùng. Các cột hiển thị bên ngoài chỉ các lệnh chờ khớp (W) và đã khớp (F), ví dụ W23 có nghĩa là "lệnh 23 lots đang chờ khớp".


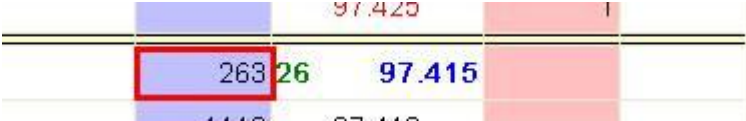
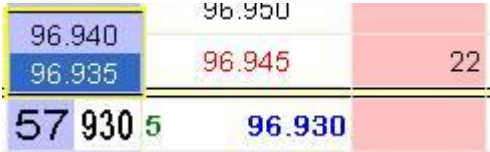


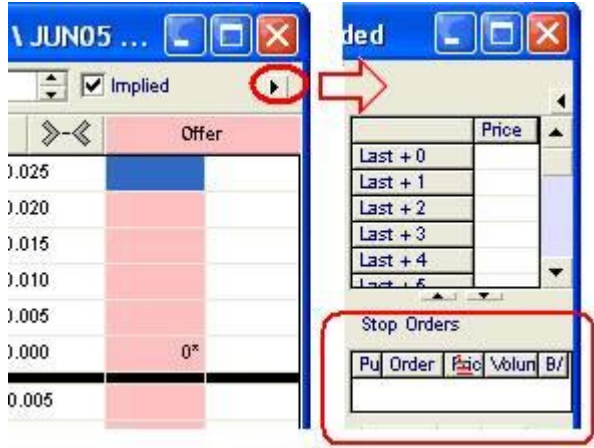


Vị thế ròng và P&L toàn bộ được thể hiện ở phía dưới cửa sổ Reflector™

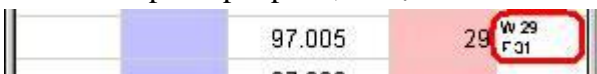




4. Bây giờ:

Để làm điều này...	Thực hiện các bước sau đây
Chọn một khối lượng	<p>Mặc định, khối lượng hiển thị trong trường Lots sẽ giống như trong màn hình mà bạn chọn Reflector™.</p> <ul style="list-style-type: none"> Hoặc thay đổi khối lượng trong trường Lots Hoặc dùng bảng Lots, sẵn có trong panel phía bên phải:


	
Nhập một lệnh giới hạn	<p>Để nhập một lệnh giới hạn:</p> <p>1 Kiểm tra/sửa khối lượng trong trường Lots</p> <p>10 Nhấp chuột trái vào một khối lượng/giá, ví dụ nếu bạn nhấp vào đây...</p>  <p>... bạn nhập bid tại 97.415, có 263 lots tại giá này</p> <p>J-Traders lấy khối lượng tại giá tốt nhất, nếu lệnh của bạn không được khớp, nó sẽ lấy số lot từ giá tốt thứ hai... cứ như thế và dừng tại giá mà bạn chọn.</p> <p>Nếu thanh ngang màu vàng, có những giá ‘bên trong thị trường’ , tức là những giá giữa giá bid và giá offer tốt nhất.</p> <p>Để nhập một lệnh giới hạn tại giá ‘bên trong’</p> <p>1 Đảm bảo rằng hộp kiểm Hide Inside Market , tab Reflector, Settings không đánh dấu</p> <p>11 Đặt con trỏ trên ô giá bid hoặc giá offer tốt nhất. Những giá bên trong được thể hiện trong một tick bar với viền màu vàng:</p>  <p>12 Nhấn vào giá bạn muốn</p> <p>Bạn có thể ẩn thanh tick bar của ‘giá bên trong’ bằng cách hoặc di chuyển con trỏ khỏi ô đã chọn trước đó, hoặc nhấn nút Ctrl.</p>
Nhập một lệnh dừng	<p>Để nhập một lệnh dừng:</p> <p>1 Kiểm/sửa khối lượng tại trường Lots</p> <p>13 Nhấp chuột phải vào khối lượng/giá</p> <p>14 Bạn có thể xem và hủy các lệnh dừng hiện tại từ khu vực Stop Orders trong khung bên phải của màn hình:</p>

	
Giữ giá hoặc lệnh tại thanh thang	<p>Để giữ giá hoặc lệnh tại thanh ngang hiện tại của thang giá (để nó không di chuyển lên hay xuống khi giá thay đổi)</p> <p>1 Nhấn  (góc dưới phải của màn hình Reflector) và đánh dấu <input checked="" type="checkbox"/> Hold Orders và <input checked="" type="checkbox"/> Hold Prices. Để chức năng này mặc định, đánh dấu vào những hộp kiểm này trong cấu hình Reflector</p> <p>15 Đưa con trỏ lên giá/lệnh mà bạn muốn giữ</p>
Nhập giá cho lệnh	<p>Tùy thuộc vào cấu hình của Reflector – Fixed Price Amendment – Enable được đánh dấu hay không:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Đánh dấu: Kéo lệnh (với chuột phải) tới một giá khác ▪ Không đánh dấu: Nhấn chuột phải vào lệnh và chọn một giá mới từ một tick bar.
Rê/xoay quanh giá	<p>Để rê chuột lên thang giá, hoặc xoay thang quanh giá tốt nhất hiện tại, dung các phím sau trên đỉnh của thang:</p>  <p>Chú ý các nút tương ứng ở phía dưới thang, để rê xuống và xoay quanh.</p> <p>Bạn cũng có thể dùng phím tắt Ctrl+C, PageUp, PageDown</p> <p>Sử dụng màn hình ngoài Settings > Indicator Orders, bạn có thể thay đổi hành vi các nút di chuyển lên/xuống. Nếu màn hình ngoài Indicator Orders ..</p> <p>Đóng: Các phím di chuyển chỉ đơn giản kéo thang giá lên và xuống</p> <p>Mở: Khi một lệnh chờ khớp đang nằm ngoài vùng hiển thị hiện tại, các nút di chuyển tương ứng sẽ chuyển sang màu vàng. Nhấn vào nó để nhảy đến lệnh đó.</p>
Nhập khối lượng của lệnh	<p>Nhấn chuột phải vào lệnh đang chờ khớp và chọn số lượng lot mới.</p>

Hủy lệnh	<p>Bạn có thể hủy:</p> <ul style="list-style-type: none"> Các giá bid hoặc offer tại một giá: nhấn double vào lệnh chờ khớp/khớp 1 phần, ví dụ như  <p>... sẽ hủy các offer tại giá 97.005</p> <p>Tất cả các bid, các offer, hoặc tất cả các lệnh chờ khớp: Nhấn Bids, Offers hoặc All</p> <ul style="list-style-type: none"> Các lệnh dừng: Nhấn  (phía trên phải của màn hình Reflector) để mở bảng bên phải, và dùng cột Pull, Use the Top Orders
San bằng vị thế của bạn	<p>1 Đánh dấu <i>Flatten</i></p> <p>Trường Lots bị disable, và số lot được gán cho vị thế rỗng, được xác định tại phần Net của màn hình.</p>  <p>16 Nhập một giao dịch để san bằng vị thế của bạn</p>
Dùng giá mặc nhiên	<p>Bật lên nếu bạn muốn giá mặc nhiên được tính, hoặc tắt nếu bạn muốn giá thực tế. Giá mặc nhiên được hiển thị với dấu sao (*). Giá mặc nhiên không áp dụng cho giao dịch FX.</p>

PIG (Price Injector Gun)

Chức năng này chỉ có sẵn nếu tổ chức của bạn đã cấp phép yêu cầu. Xin vui lòng liên hệ với người quản lý tài khoản Patsystems để có thêm thông tin.

Nếu bạn nhấn  vào góc trên trái của màn hình Reflector, bạn sẽ thấy PIG. Dùng PIG, bạn có thể tham gia hoặc dime một bid/offer tại các khối lượng lots xác định. ‘Diming’ có nghĩa là nhập một bid lớn hơn 1 tick, hoặc 1 offer nhỏ hơn 1 tick. Bạn có thể làm tay hoặc tự động.

Tham gia hoặc Diming bằng tay


Trong màn hình Patsystems Reflector™, bạn có thể tham gia hoặc dime một bid/offer tại một bid/offer tại một số lượng lots xác định, với 1 cái nhấn. ‘Dime’ có nghĩa là tạo một giá bid hoặc offer mới tốt nhất: ví dụ, đăng kí một lệnh có giá lớn hơn giá bid tốt nhất hiện tại 1 tick, hoặc nhỏ hơn giá offer tốt nhất 1 tick.

- Mở màn hình Patsystems Reflector™
- Mở rộng khung bên trái, để khung PIG xuất hiện. Các trường để dùng là các trường trong phần Manual của màn hình:
Net Position (Vị thế rỗng) là tương đương với Net trong phần chính của màn hình Patsystems Reflector: nó chỉ ra vị thế rỗng của tài khoản đang chọn (trường Account) cho

một hợp đồng xác định, bao gồm tất cả các lệnh được thực hiện bởi bất kì phương thức đặt nào.

3. Chọn số lot trong trường liên quan đến công việc bạn muốn thực hiện, rồi nhấp vào nút tương ứng:

Nút	Nhập loại lệnh này
Join Bid	Một lệnh bid tại giá bid tốt nhất
Join Offer	Một lệnh offer tại giá offer tốt nhất
Join Both	Hai lệnh đồng thời: một lệnh bid tại giá bid tốt nhất hiện tại và một lệnh offer tại giá offer tốt nhất hiện tại
Dime Bid	Một lệnh bid tại giá cao hơn giá bid tốt nhất hiện tại 1 tick
Dime Offer	Một lệnh offer tại giá thấp hơn giá offer tốt nhất hiện tại 1 tick

4. Để hủy các lệnh, dùng nút  hoặc một nút màu đỏ để hủy tất cả các lệnh. Nếu màn hình Setting, tab Trading, hộp kiểm Put All ☒ Show Trade Confirm được đánh dấu, bạn sẽ có một hộp thoại xác nhận khi bạn muốn hủy lệnh, ngược lại lệnh sẽ bị hủy ngay lập tức. Trong màn hình Status, các lệnh đã hủy sẽ di chuyển từ phần ‘chờ khớp’ sang phần ‘hoàn tất’.

Tham gia hoặc Diming tự động

Trong màn hình Patsystems Reflector™, bạn có thể tự động tham gia hoặc dime lệnh bid/offer liên tục, tại một khoảng thời gian xác định, cho đến khi khối lượng chỉ định khớp hết:

1. Mở màn hình Patsystems Refecctor™.
2. Mở rộng khung bên trái, để khung PIG xuất hiện. Các trường được dùng là các trường trong phần Automatic của màn hình:

Net Position: 0

Automatic ☒ Off

Time Out: 1 (secs)

Bid Below Market (0)

Step	Lots	Max
0	100	100

Offer Above Market (0)

Step	Lots	Max
0	100	100

Total Orders Submitted
2

Net Position (Vị thế ròng) là tương đương với Net trong phần chính của màn hình Patsystems Reflector: nó chỉ ra vị thế ròng của tài khoản đang chọn (trường Account) cho một hợp đồng xác định, bao gồm tất cả các lệnh được thực hiện bởi bất kì phương thức đặt nào.

3. Điền vào các trường sau:

Trường	Nhập hoặc chọn
Time out	Khoảng thời gian (1-60 giây) giữa lệnh bid/offer được khớp và lệnh tiếp theo được đẩy lên
—Bid Below Market—	<p>Các tham số của lệnh bid phải nhập:</p> <ul style="list-style-type: none"> Step: số tick dưới giá bid, hoặc bằng 0 nếu tham gia giá bid hiện tại. Lots: khối lượng các đoạn trong đó các lệnh được gửi. Nếu trường này được gán = 0 thì không lệnh nào được đẩy lên, ngay cả khi nút tắt/mở được mở. Max: Tổng khối lượng của các lệnh Bid được khớp
—Offer Above Market—	Nguyên tắc tương tự như các trường —Bid Below Market— ở trên, ngoại trừ Step là số lượng tick trên giá bid

Chú ý rằng bạn có thể nhập lệnh bid/offer cùng lúc

- Click **Off** để bắt đầu phun giá tự động. Nút sẽ chuyển thành **On**.
Total Orders Submitted thể hiện tổng số lệnh hiện đang đẩy ra thị trường bởi PIG. Hơn nữa, các con số trong ngoặc đơn trong khung —Bid Below Market— và —Offer Above Market—hiển thị số lots cho từng lệnh bid và offer riêng rẽ.
- Bạn có thể ngừng phun giá tự động, và hủy hoặc không hủy các lệnh đã đẩy lên:
 - Không hủy lệnh đẩy lên: Thiết lập trường Lots = 0
 - Click **On**. Nút sẽ chuyển thành **Off**, để cho biết rằng quá trình này đã được dừng lại.


Nếu màn hình Setting, tab Trading, hộp kiểm Put All ☒ Show Trade Confirm được đánh dấu, bạn sẽ có một hộp thoại xác nhận khi bạn muốn hủy lệnh, ngược lại lệnh sẽ bị hủy ngay lập tức. Trong màn hình Status, các lệnh đã hủy sẽ di chuyển từ phần ‘chờ khớp’ sang phần ‘hoàn tất’.

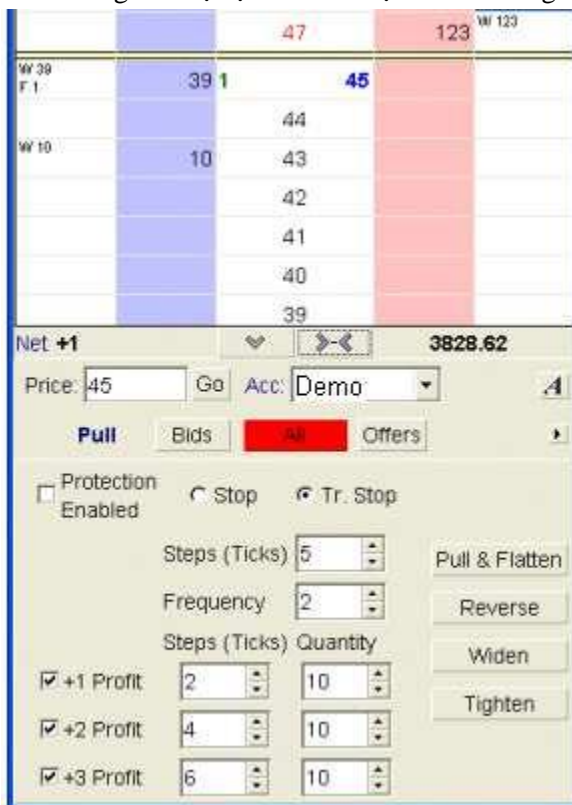
Các lệnh bảo vệ

Bạn có thể nhập lệnh bảo vệ, nhưng chỉ trong màn hình Patsystems Reflector™. Một lệnh bảo vệ bao gồm:

- Một lệnh giới hạn đưa ra mức lợi nhuận mục tiêu. Bạn có thể đặt tối đa ba mục tiêu lợi nhuận.
- Một lệnh dừng nhằm giới hạn thiệt hại hoặc đảm bảo lợi nhuận cho thương mại. Lệnh này cũng được gọi là ‘trailing stop’, tức là một lệnh dừng chạy theo biến động giá. Lệnh dừng được kích hoạt một khi lệnh mục tiêu lợi nhuận bắt đầu khớp.

Để nhập lệnh bảo vệ:

1. Từ bất kỳ màn hình giao dịch nào, tô đậm các hợp đồng bạn muốn giao dịch và nhấp vào **Reflector**. Màn hình Reflector mở ra, với giá cho các hợp đồng bạn đã chọn.
Click  (góc dưới bên phải của màn hình Patsystems Reflector™) và chọn Set Protection Level
2. Các trường bảo vệ cụ thể xuất hiện ở dưới cùng của màn hình.



The screenshot shows the Patsystems Reflector interface. At the top, there's a grid of contracts with columns for contract name, price, and quantity. Below this, there's a section for 'Protection Enabled' with various settings. The 'Protection Enabled' checkbox is checked. There are radio buttons for 'Stop' and 'Tr. Stop' (Trailing Stop), with 'Tr. Stop' selected. Below these are input fields for 'Steps (Ticks)' (set to 5), 'Frequency' (set to 2), and 'Pull & Flatten'. There are also buttons for 'Reverse', 'Widen', and 'Tighten'. At the bottom, there are three rows for profit targets: '+1 Profit' (Steps: 2, Quantity: 10), '+2 Profit' (Steps: 4, Quantity: 10), and '+3 Profit' (Steps: 6, Quantity: 10).

3. Nhập vào các trường bảo vệ cụ thể như sau:

Trường	Nhập hoặc chọn
--------	----------------

Protection Enabled	Kích hoạt các lệnh bảo vệ để đẩy lên Nếu một hộp kiểm không đánh dấu, một loại lệnh mặc định cho Reflector (lệnh giới hạn hoặc lệnh dừng) được gửi.
Stop	Chọn giữa: Stop: Lệnh dừng tổng hợp chuẩn Tr. Stop: Tuân theo biến động giá thị trường. Một lệnh mua trailing stop theo sau giá offer khi giá cả thị trường đi xuống, một lệnh bán trailing stop chạy theo giá bid khi thị trường đi lên. Các lệnh được kích hoạt khi các lệnh mục tiêu lợi nhuận bắt đầu khớp, với một khối lượng tương đương lần khớp đầu tiên của lệnh bảo vệ. Khi khối lượng của lệnh mục tiêu lợi nhuận được khớp, các khối lượng của lệnh dừng được sửa đổi, xuống tương đương. Những khối lượng của lệnh dừng được hiển thị trong Reflector™ trong ngoặc
Steps (Ticks)	Có bao nhiêu tick từ giá khớp mà lệnh dừng sẽ dừng
Frequency	(chỉ dành cho Tr.Stop) Có bao nhiêu ticks giá khớp phải đổi trước khi lệnh trailing stop được chỉnh sửa. Ví dụ một tần số bằng 2 có nghĩa là giá khớp phải di chuyển 2 tick trước khi lệnh trailing stop thay đổi 1 tick/step
+1 Profit +2 Profit +3 Profit	Với mỗi mức bảo vệ bạn muốn: Đánh dấu hộp kiểm Trong Steps(Ticks), nhập số tick xa khỏi giá khớp mà tại đó lệnh giới hạn sẽ được đặt. Trong Quantity, nhập số lượng lots tối đa được đặt cho lệnh bảo vệ này. Khi mục tiêu +1 Profit thỏa mãn, các mục tiêu lợi nhuận sau đó sẽ được kích hoạt
Pull & Flatten	Hủy hết các lệnh chờ khớp, và đặt một lệnh để cân bằng vị thế hiện tại. Một lệnh cân bằng (flatten) sẽ cho tổng vị thế hiện tại. Khi được cân bằng, vị thế sẽ bằng 0, ví dụ như 70 mua và 70 bán. Lệnh cân bằng được đẩy lên là lệnh thị trường nhưng cũng có thể là lệnh giới hạn. Để sử dụng nút này, đánh dấu vào Enable Reverse (Order Type) trong Reflector settings.
Widen Tighten	Di chuyển tất cả các lệnh bảo vệ (stop, trailing stop, +1 profit, +2 profit, +3 profit) một bước giá (1 tick) <ul style="list-style-type: none"> Xa giá khớp hơn

	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Gần giá khớp hơn
--	--

1. Để kích hoạt các lệnh, đánh dấu Protection Enabled.
Các khối lượng lệnh bảo vệ được hiển thị trong Reflector™ trong ngoặc.
Khi các mức mục tiêu lợi nhuận được khớp, khối lượng lệnh dừng được hạ xuống tương ứng.
2. Các nhóm lệnh chờ khớp di chuyển từ nhóm Working (chờ khớp) sang nhóm Completed (hoàn tất) của màn hình Status khi tất cả các lệnh bảo vệ được khớp, hủy hoặc hủy cân bằng.
Dùng màn hình Status để cập nhật/hủy các lệnh:

Loại lệnh	Bạn có thể sửa/hủy gì
Parent Order	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Khối lượng và giá không thể thay đổi ▪ Hủy lệnh cha sẽ hủy các lệnh bảo vệ liên quan
Protection	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Giá có thể thay đổi
Limit orders <i>Lệnh giới hạn</i>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Các khối lượng của lệnh giới hạn có thể sửa đổi. ▪ Hủy một lệnh giới hạn bảo vệ chỉ hủy riêng lệnh đó.
Protection stop order	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Giá có thể sửa đổi. Tất cả các khối lượng bổ sung được thêm vào lệnh dừng tại giá mới ▪ Các khối lượng không thể được sửa đổi ▪ Thành phần (trailing) stop của lệnh bracket không thể hủy.

Sử dụng một phiếu lệnh (trade ticket)

Sử dụng các trade ticket, bạn có thể nhập và sửa các lệnh. Đối với các options, trade ticket cung cấp phần premium phải trả và phần ký quỹ yêu cầu.

Thực hiện theo các bước sau đây:

1. Trong bất kỳ màn hình có chứa nút **Trade**, tô đậm một hợp đồng và click **Trade**. Hoặc, nếu bạn tạo một phím tắt để mở phiếu lệnh, bạn có thể dùng. Một phiếu lệnh sẽ được hiển thị.

Phiếu lệnh màu xanh là lệnh mua, màu đỏ là lệnh bán. Mặc định là màu xanh cho một lệnh giới hạn, tại giá giao dịch cuối cùng, sử dụng khối lượng mặc định.

2. Điền vào phiếu như sau:

Trường, ...	Nhập hoặc chọn
Sở	Sở, hàng hóa và ngày hợp đồng áp dụng cho lệnh này
Hàng hóa	Chọn sở sẽ lọc danh sách hàng hóa, sau đó đến lượt hàng hóa sẽ
Ngày hợp đồng	lọc danh sách ngày hợp đồng
Loại lệnh	Loại lệnh Các loại lệnh sẵn có tùy theo từng sở. Các lệnh với dấu chấm than (!) là những lệnh dành cho lệnh tổng hợp/định thời.

3. Nhấn **Ticket** nếu bạn muốn nhập lệnh theo các loại lệnh sau đây. Chú ý cách phiếu lệnh đưa các trường phụ cho loại lệnh mà bạn chọn:

Loại lệnh	Giải thích/ trường phụ
OCO	Nếu bạn muốn tổng số lượng của lệnh chia ra làm 2 khi cả 2 lệnh chờ khớp trên sở, đánh dấu Split Volumes Across Orders.

	Khi một lệnh khớp, số lượng còn lại sẽ được chia nhỏ tương ứng giữa 2 lệnh.
Cross	SEND RFQ Chú ý: hầu hết các sở phái sinh đều có luật đặc biệt cho các giao dịch chéo, bao gồm cần gửi một RFQ trước (ví dụ 30 giây đối với Liffe). Trước khi nhập một lệnh chéo, kiểm tra lại quy định của sở.
Block	Nếu bạn chọn loại hợp đồng nhiều chân, bạn sẽ nhận trường giá theo từng chân. Các giá cho từng chân sẽ được gán ban đầu vào điểm giữa 2 bên mua-bán của mỗi chân: kiểm tra và sửa giá từng chân, khi được yêu cầu.

(to be continue)

Giao dịch lệnh tổng hợp và lệnh thời gian (Synthetic Orders and Timed Orders)

Nếu bạn sử dụng J-Trader có module quản lý lệnh tổng hợp SyOMS, bạn có thể giao dịch ‘lệnh tổng hợp’, có tên như vậy là vì nó bắt chước các loại lệnh mà không được hỗ trợ bởi một sở giao dịch cụ thể nào. Ví dụ như các lệnh dừng, GTCs, GTDs, bạn cũng có thể giao dịch các lệnh được kích hoạt theo thời gian.

Các loại lệnh này được quản lý bởi SyOMS và được đưa vào Sở khi các điều kiện về giá hay thời gian được thỏa mãn. SyOMS cho phép có thể thêm, sửa và hủy lệnh trước khi đưa vào Sở.

Để nhập lệnh tổng hợp hoặc lệnh thời gian thì có thể sử dụng phiếu giao dịch (trade ticket).

Các trường có thể áp dụng cho các lệnh này:

Trường	Nhập hoặc Lựa chọn
Order Type	Các loại lệnh tổng hợp hoặc lệnh thời gian được chỉ định với một dấu chấm than
Time	Chỉ áp dụng cho lệnh thời gian. Nhập ngày và giờ kích hoạt. Giờ mặc định là 16:00:00. Được áp dụng chỉ khi thuộc tính TIMED_ORDER_EXECUTION_TIME không được thiết lập trong JTrader.properties hoặc popup.html.
Priority	Độ ưu tiên của lệnh (từ 1-9). Nếu các lệnh ở cùng thời điểm, giá và số lượng, thì độ ưu tiên cao sẽ được thực thi trước (ví dụ 9 trước 8).

Giao dịch ở sàn kim loại London (LME)

Khi bạn muốn mở một phiếu giao dịch (trade ticket) tại sàn LME thì thực hiện như sau:

1. Nhập các thông tin vào phiếu giao dịch, chọn sàn LME.

2. Chọn loại giao dịch:

- Outright: Hợp đồng đơn với ngày giao hàng cố định.
- Carry: Giao dịch near leg và far leg.

Phiếu giao dịch sẽ thay đổi một chút tùy theo giao dịch là Outright hay Carry:

Left Screenshot (Outright):

Type: ☒ Outright ☐ Carry

Near Leg: 3M [Select...]

Far Leg: [Select...]

Order Type: Day

Lots: 3

Price: 5.03

Account: Demo

Reference: [Text Box]

Right Screenshot (Carry):

Type: ☐ Outright ☒ Carry

Near Leg: 3M [Select...]

Far Leg: 4Q05 [Select...]

Order Type: Day

Lots: 1

Price: 0.5 [c] [b]

Account: Demo

Reference: [Text Box]

3. Chọn leg(s):

- Chọn Near Leg và Far Leg (chỉ áp dụng cho giao dịch Carry).
- Hoặc Click **Select** để mở màn hình chọn hợp đồng LME.

Outright

CASH	JUL05	AUG05	SEP05	OCT05	NOV05	DEC05
3M	JAN06	FEB06	MAR06	APR06	MAY06	JUN06
	JUL06	AUG06	SEP06	OCT06	NOV06	DEC06

Average Prompt

3Q05	2H05	4Q05
1Q06	1H06	2Q06
3Q06	1Y06	2H06
4Q06		

Reset OK Cancel

Khu vực **Outright** được sử dụng cho các giao dịch **Outright** và **Average Prompt** là dành cho giao dịch **Carry**. Click vào 1 trong các nút sau, tùy thuộc vào ngày giao hàng là:

CASH: cho sau ngày mai.

3M: cho 3 tháng tính từ ngày giao dịch hiện tại.

TOM: cho ngày mai (nút này có xuất hiện hay không tùy thuộc vào ngày giao dịch bạn chọn)

- Bây giờ:
 - o Nếu là **Outright** thì hãy click **Buy** hoặc **Sell**, bạn sẽ hoàn thành giao dịch.
 - o Nếu là **Carry** thì hãy tiếp tục các bước sau.
- Khi chọn **Carry** thì nút **c** và **b** xuất hiện gần trường **Price**.

- Click **c** (contango) nếu far leg có giá cao hơn near leg, trong trường hợp này giá được nhập vào là số âm (mặc dù nó không hiển thị số âm trên phiếu giao dịch).
- Hoặc click **b** (backwardation) nếu far leg có giá thấp hơn near leg.

Nếu bạn không click nút nào thì giá sẽ được giả định là backwardation.

- Bây giờ click:
 - **Borrow** để mua near leg và sell far leg.
 - **Lend** để bán near leg và mua far leg.

Giao dịch FX

Sử dụng J-Trader bạn có thể giao dịch các cặp tiền tệ giao ngay FX. Nếu bạn không thể truy cập các phiếu giao dịch được mô tả bên dưới thì hãy liên lạc với broker của bạn hoặc Patsystems để nhận lấy quyền truy cập.

Các bước thực hiện giao dịch FX:

1. Mở màn hình **Hot Quotes**
2. Click **Add**
3. Double-click vào cặp ngoại tệ
4. Click **Trade**

Một phiếu giao dịch được mở ra với hợp đồng chi tiết đã được điền sẵn:

FX Trade (1)

Exchange: IFX

Commodity: AU

Contract Date: FINEX

Order Type: Limit

Amount: 0

Price:

Limit Price:

Good Till Date: 16/08/04

Account: DEMO

1 2 3

4 5 6

7 8 9

10 20 50

100 200 500

Set to ZERO

Bid:

Offer:

Status: Normal

Time: 00:00

Buy

Sell

RFQ

*Cancel

5. Các trường được mô tả như sau:

Trường	Nhập hoặc Lựa chọn
Exchange Commodity Contract Date	Sàn giao dịch, hàng hóa và ngày hợp đồng. Chú ý là mỗi sàn sẽ có các hàng hóa riêng.
Order type	Loại lệnh
Amount	Số lot (mặc định = số lượng lựa chọn ở trường Lots trong Hot Quotes) Bạn có thể gõ K cho 1000 và nhập số từ number pad.
Price	Giá, có nhiều cách nhập: <ul style="list-style-type: none"> - Nhập bằng tay. - Chọn từ pop-up tick-bar. - Click giá Bid hoặc Offer ở góc dưới bên phải của phiếu giao dịch. Nếu bạn đã click vào giá ở Hot Quotes trước khi mở phiếu giao dịch thì nó sẽ được gán mặc định.
Limit Price	Trường này không áp dụng cho giao dịch FX.
Good Till Date	Chỉ áp dụng nếu loại lệnh là GTD Limit Đến ngày mà đơn hàng còn hiệu lực, nếu không bị hủy hoặc khớp. Nó bao gồm cả ngày đó, ví dụ 30/12/04 sẽ bao gồm trước và cả ngày 30/12/04.
Account	Tài khoản bạn muốn đặt lệnh, mặc định là tài khoản được chọn ở màn hình Hot Quotes.
Bid Offer	Giá mua hiện tại và giá bán hiện tại của hợp đồng. Bạn có thể chọn các giá này bằng cách click lên chúng: giá sau đó sẽ xuất hiện lên trường Price. Chú ý: Không giống như phiếu giao dịch chuẩn, các trường này được cập nhật giá theo thời gian thực (với phiếu giao dịch chuẩn thì giá được lấy lúc bạn mở phiếu).
Status	Bạn có thể xem trạng thái ở màn hình Hot Quotes nếu cột trạng thái hợp đồng được chọn. Để chọn cột này thì nhấn chuột phải chọn Select Columns từ menu.
Time	Chỉ áp dụng khi Status = Fast Một đồng hồ bấm giờ sẽ thể hiện J-Trader đã có giá đó trong bao lâu. Xem bước tiếp theo để có nhiều thông tin hơn.

6. Bạn có muốn đặt một lệnh mua, đặt một lệnh bán hoặc yêu cầu về giá?

Để làm điều này	Theo các bước sau
Buy	<p>Click nút nhấn với chữ màu xanh Buy. Lệnh của bạn sẽ được đặt ngay lập tức.</p> <p>Nếu nút này có chữ Request Offer thì Sở sẽ xem thị trường là nhanh (Status=Fast), có nghĩa là giá được thay đổi liên tục vì vậy mà bạn phải yêu cầu một mức giá để đảm bảo nhận được nó:</p> <ul style="list-style-type: none">- Click vào Request Offer để lấy giá- Nếu Sở phản hồi yêu cầu này, trường Time sẽ trở thành một đồng hồ bấm giờ thể hiện J-Trader có giá đó trong bao lâu.- Nhấn vào giá hiển thị ở Bid hoặc Offer trong 5 đến 10 giây, nếu lâu hơn thì bạn cần yêu cầu lại mức giá mới.
Sell	<p>Tương tự như Buy, ngoại trừ nút nhấn Sell hoặc Request Bid có chữ màu đỏ.</p>
Request a quote	<ul style="list-style-type: none">- Click RFQ.- Nếu nút này màu xám thì Sở không hỗ trợ giao dịch FX.- Giá xuất hiện trong trường Bid và Offer, bạn có 5 đến 10 giây (biểu thị trong trường Time) để chọn chúng, nếu lâu hơn thì bạn phải gửi lại yêu cầu RFQ khác.

Giao dịch các hợp đồng Eurodollar

1. Trong **Hot Quotes**, click **Add** sau đó click kép vào hợp đồng **Eurodollar**.

2. Click chọn Eurodollar để giao dịch.

3. Click **Trade**

Phiếu giao dịch Eurodollar được hiển thị:

The screenshot shows the 'Trade (1)' window in J-Trade. The parameters are as follows:

- Exchange: CME_E\$
- Commodity: GE
- Contract Date: JUN07
- Order Type: RFQI
- Ticket: (dropdown)
- Lots: 6
- Price: (input field)
- Limit Price: (input field)
- Good Till Date: 21/12/05
- Account: Demo
- Reference: (input field)
- Time: 21/12/05 11:43:45
- Priority: 0
- Buttons: ☒ Open, ☐ Close
- Ind Bid: (input field)
- Ind Offer: (input field)
- Both: RFQ
- Buttons: ☐ Create Inactive, ☒ Close After Trade
- Buttons: Buy, Change to Sell, Cancel

On the right side, there is a grid of buttons:

1	2	3
4	5	6
7	8	9
10	20	50
100	200	500
Set to ZERO		

4. (Chỉ dành cho tùy chọn Eurodollar) Có giá ở trường **Ind Bid** và **Ind Offer** không?

- No: Yêu cầu một mức giá bằng cách thiết lập **Order Type** là **RFQI**, sau đó click **RFQ Both**.

Chỉ khi giá được hiển thị, theo các bước sau cho Yes.

- Yes: Bạn không thể giao dịch với giá chỉ định, nó chỉ đơn giản chỉ định một phạm vi giá mà thị trường có thể giao dịch, để lấy giá có thể giao dịch bạn phải thiết lập **Order Type** là **RFQT** và click **RFQ**. Khi bạn nhận được thông báo **RFQ** (thông qua tin nhắn pop-up hoặc màn hình tin nhắn) thì bạn có thể giao dịch với giá và khối lượng đã báo.

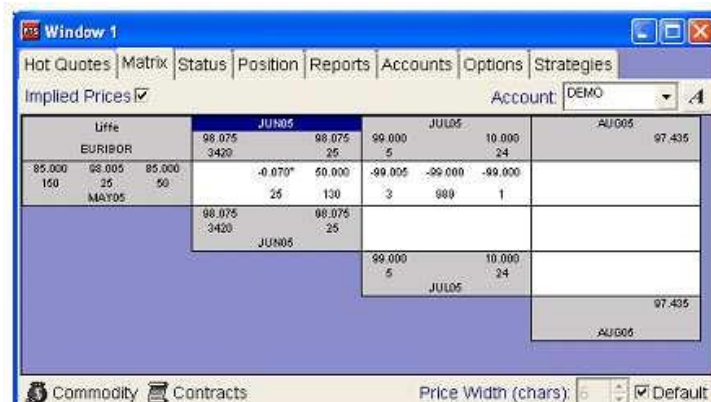
Mặc dù một phiếu giao dịch đã cho phép bạn thêm nhiều thông tin tuy nhiên bạn cũng có thể chọn các thông tin khác nữa khi giao dịch Eurodollar từ tab **Options**.

5. Hoàn thành phiếu giao dịch như đã mô tả trong phần **Sử dụng phiếu giao dịch**.

Giao dịch Calendar Spreads

Bạn có thể giao dịch calendar spreads trong J-Trader, để làm điều đó hãy sử dụng màn hình **Matrix** như sau:

1. Chọn tab **Matrix**
2. Click **Commodity** (ở góc dưới bên trái) để chọn Sở và hàng hóa
3. Click **Contracts** để chọn ngày hợp đồng



Chú ý là bạn có thể chỉ có một Sở/Hàng hóa ở một thời điểm, để xóa nó và chọn mặt hàng khác thì chỉ đơn giản là add mặt hàng khác vào, nó sẽ tự động xóa tất cả các hợp đồng bạn đã chọn trước đó.

4. Mô tả:

Trường	Nhập hoặc Lựa chọn
Implied Prices	<p>Bật lên nếu bạn muốn thiết lập giá mặc định lúc tính toán hoặc tắt đi nếu bạn chỉ muốn sử dụng giá thời gian thực. Giá mặc định được thể hiện trong dấu sao (*).</p> <p>Tính toán giao dịch LIFFE CONNECT™:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mặc định giá vào (IN), đó là chiến lược giá dựa trên các lệnh trên thị trường. - Mặc định giá ra (OUT), đó là giá tương lai từ các lệnh chiến lược. Những giá này chỉ được phân phối nếu chúng bằng hoặc cải thiện các lệnh hiện tại trên thị trường. <p>Đối với FX nó không có ý nghĩa bởi vì không thể ấn định giá cho các giao dịch giao ngay.</p>
Account	<p>Chức năng này có thể được sử dụng nếu người sử dụng có nhiều tài khoản. Đối với FX, bạn không thể sử dụng một tài khoản cho giao dịch tương lai và ngược lại.</p> <p>Gợi ý: Sử dụng tab Accounts, bạn có thể thiết lập tài khoản mặc định và kiểm soát các tài khoản. Xem thêm phần Thiết lập tài khoản mặc định.</p>
Lots	<p>Chọn hoặc nhập số lot giao dịch.</p> <p>Gợi ý: Bạn có thể thiết lập số lot mặc định ở mỗi sàn, hàng hóa và hợp đồng bằng cách sử dụng màn hình Settings, tab</p>

	Contract , chọn Default Quantity .
Price Width (chars)	Độ dài của mỗi ô hiển thị. Để thay đổi giá trị này, hãy bảo đảm Default không được đánh dấu.
Default	Đánh dấu để đặt lại Price Width (chars) về mặc định.

5. Khi bạn đã thiết lập số Lots, bạn có thể giao dịch **outright** ở trong khu vực màu xám và giao dịch **spread** ở trong khu vực màu trắng ở trái tim của ma trận. Giá và khối lượng được sắp xếp như sau:

Bid price	Offer price	Last-traded price
Bid volume	Offer volume	Last-traded volume
	Contract month	

Ví dụ:

97.740*	97.800	97.800
8	100	10
	MAR03	

Bạn nhập lệnh tương tự như là ở màn hình Hot Quotes, cụ thể là:

Phương thức	Mô tả
Tick bar	Nhập lệnh giới hạn bằng cách rê con trỏ chuột đến khu vực giá bid hoặc offer, và nhấn chọn giá từ tick bar.
Click on volume	Nhập lệnh thị trường bằng cách click vào khu vực khối lượng bid hoặc offer.
DOM	Click vào khối lượng giao dịch gần nhất hoặc tháng hợp đồng để gọi màn hình DOM.
Trade	Nhập một giao dịch bằng cách sử dụng phiếu giao dịch hoặc tạo ra một giao dịch FX.

Bạn có thể thấy các giá lịch sử (20 giá gần nhất) cho hợp đồng này, bằng cách click vào giá giao dịch cuối cùng. Giá lịch sử được tự động cập nhật khi có một giao dịch mới.

6. Để hủy tất cả lệnh mua và bán, click **Pull All**. (Không thể

7. Để thanh lọc các hợp đồng không hiệu lực và hết hạn từ Matrix (và phần còn lại của J-Trader), click **Purge** (phía dưới bên phải).



Giao dịch quyền chọn

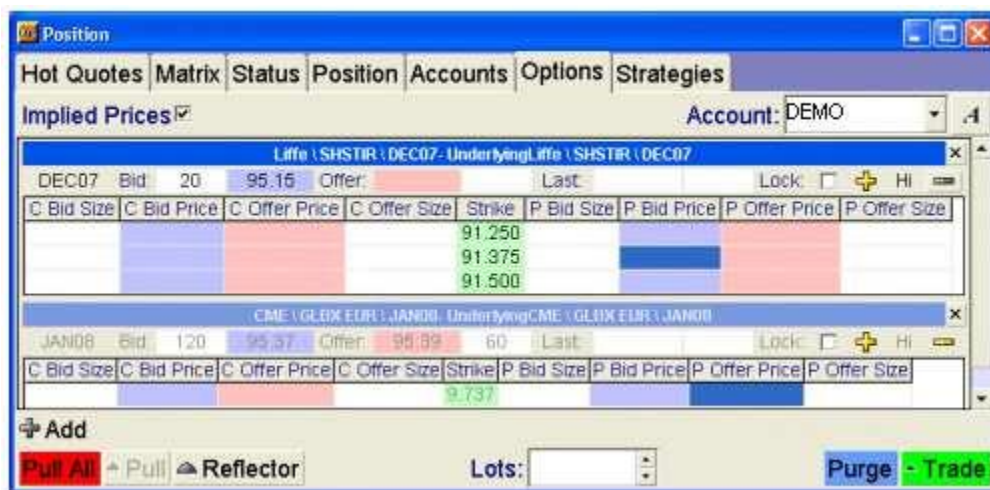
Các bước giao dịch quyền chọn:

1. Chọn tab **Options**



2. (Khuyến cáo) Click chuột phải lên tiêu đề cột, click **Columns** ở menu pop-up và chọn cột bạn muốn.

3. Chọn option đầu tiên bạn muốn giao dịch (bạn có thể chọn nhiều option, nhưng chỉ 1 thời ở thời điểm này):

- Click **Add** ở góc dưới bên trái của màn hình.
- Cây danh mục hiện ra thể hiện Sở giao dịch -> Option. Hiện thị option bạn muốn, click  để mở rộng cây và  để thu nhỏ lại. Chú ý các options kết thúc bằng **C** là **Calls**, **P** là **Puts**.
- Click kép vào option thì nó sẽ hiển thị trên lưới.
- Muốn thêm bất kì option nào khác thì hãy lập lại các bước trên. Các option bạn chọn sẽ xuất hiện trên các khung riêng biệt trên màn hình.



4. Bạn có thể xóa và thay thế các option khi nó đã hiển thị:


Thực hiện	Click vào đây
Xóa option	Click dấu X ở phía trên bên phải: 
Thay thế option	Đưa con trỏ chuột đến ngày hợp đồng của option (chú ý sự thay đổi của nút này) 

	Sau đó click nút đó và chọn option mới từ cây.
--	--

5. Trong khung ở phía ngoài tab:

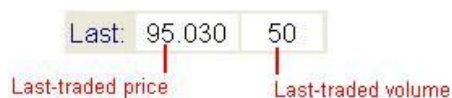
Trường	Nhập hoặc Lựa chọn
Account	<p>Chức năng này có thể được sử dụng nếu người sử dụng có nhiều tài khoản. Đối với FX, bạn không thể sử dụng một tài khoản cho giao dịch tương lai và ngược lại.</p> <p>Gợi ý: Sử dụng tab Accounts, bạn có thể thiết lập tài khoản mặc định và kiểm soát các tài khoản. Xem thêm phần Thiết lập tài khoản mặc định.</p>
Lots	<p>Chọn hoặc nhập số lot giao dịch.</p> <p>Gợi ý: Bạn có thể thiết lập số lot mặc định ở mỗi sàn, hàng hóa và hợp đồng bằng cách sử dụng màn hình Settings, tab Contract, chọn Default Quantity.</p>

6. Trong khu vực option bạn muốn giao dịch:

Trường	Giải thích
Lock	<p>Khi được đánh dấu, cố định hiển thị giá thực hiện ở giữa màn hình với hai giá trị 'Hi' và 'Lo' trên và dưới.</p> <p>Khi không đánh dấu, tất cả giá đều hiển thị.</p>
	<p>Thêm hoặc Xóa giá thực hiện cao/thấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hi = giá thực hiện cao, Lo = giá thực hiện thấp. Click Hi để chuyển sang Lo và ngược lại. - Click + để thêm dòng, - để xóa dòng. Chú ý số lượng hàng sẽ tăng hoặc giảm.
C Bid Size ... P Offer Size	Các cột khác nhau thể hiện sự kết hợp của khối lượng/giá, bids/calls, và puts/offers theo giá thực hiện chỉ định.

7. Nếu bạn muốn xem và giao dịch theo giá mặc định thì đánh dấu **Implied Prices**.

8. Để giao dịch, bạn có thể sử dụng **Reflector** hoặc nút **Trade**, nó cũng giống như ở **Hot Quotes**. Bạn cũng có thể click vào ô nào trừ **Last Traded**:



Chú ý màu của ô: trắng = khối lượng, xanh dương = mua, hồng = bán.

Click vào đây	Để thực hiện
Bid Offer	<p>Đặt một lệnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bid (bên trái): trường này cung cấp giá, vì vậy click vào đây sẽ đặt lệnh giới hạn ở giá hiển thị. - Bid (bên phải): trường này cung cấp khối lượng, vì vậy click vào đây sẽ đặt lệnh thị trường ở khối lượng hiển thị. - Offer (bên trái) và Offer (bên phải): tương tự như Bid. <p>Chú ý: Các trường này không bị ảnh hưởng bởi thiết lập Clicking on Size – Action trong màn hình Settings -> tab Trading.</p>
C Bid Size P Offer Size	<p>Các cột khác nhau thể hiện sự kết hợp của khối lượng/giá, bids/calls, và puts/offers theo giá thực hiện chỉ định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Click lên khối lượng để đặt lệnh thị trường. - Click lên giá để đặt lệnh giới hạn. <p>Nếu bạn di chuyển con trỏ chuột qua cột giá, bạn sẽ thấy một cột giá, sử dụng các biểu tượng mũi tên lên xuống để chọn giá thích hợp.</p>
Reflector	Mở màn hình Reflector để giao dịch Put hoặc Call.
Trade	Mở màn hình phiếu giao dịch Put hoặc Call.
Purge	Loại bỏ các option đã hết hạn khỏi màn hình Options và J-Trader.
Pull All	Hủy tất cả lệnh
^ Pull	Cho phép lựa chọn danh sách để hủy lệnh Bids/Offers theo Call hay Put.

Các cột tùy chọn

Bằng cách click phải lên màn hình **Options** và chọn **Select Columns**, bạn có thể chọn hiển thị các cột sau đây. Chú ý ở bên trái là **Call** còn ở bên phải là **Put**.

Call/Put	Giải thích
Bid Size	(Luôn luôn được chọn)
Bid Price	Khối lượng và giá mua, khối lượng và giá bán.

Offer Size Offer Price	
Indicative Bid Price Indicative Bid Size Indicative Offer Price Indicative Offer Size	(Chỉ dùng cho các hợp đồng Eurodollar) Hiển thị giá và khối lượng mua, giá và khối lượng bán. Để giúp đỡ về yêu cầu giá thể hiện và giá giao dịch Eurodollar thì xem phần Requesting a Quote .
Last Price Last Size	Giá và khối lượng giao dịch gần nhất.
Total Size	Tổng khối lượng giao dịch.
High Price Low Price	Giá cao nhất và thấp nhất của phiên.
Open	Giá mở cửa.
Settlement Price	Giá thanh toán hôm nay.
YDSP	(Chỉ dùng cho Pro-Mark) Giá thanh toán ngày hôm qua.
Net Position	Vị thế ròng trong option này.
RFQI Bid Volume RFQI Offer Volume RFQI 2 Sides Volume	Click để yêu cầu một giá hiển thị cho khối lượng mua/bán/mua và bán.
RFQT Bid Volume RFQT Offer Volume RFQT 2 Sides Volume	Tương tự RFQI ở trên, chỉ khác là nó dành cho các giá có thể giao dịch.
RFQT Cross Volume	Click để yêu cầu giá có thể giao dịch mà bạn có thể đặt lệnh chéo.

Giao dịch chiến lược

Sử dụng tab **Strategies** để giao dịch, bạn có thể giao dịch các chiến lược cho cả quyền chọn và tương lai.

Màn hình tương tự như là Hot Quotes, khác biệt là ở đây chỉ hiển thị chiến lược và nó tự động cập nhật khi có chiến lược mới được tạo ra trên thị trường.

Nếu bạn có công cụ **Strategy Calculator**, bạn có thể tạo ra các chiến lược mà Sở hỗ trợ.

Bạn có thể xem và giao dịch chiến lược quyền chọn hoặc tương lai theo các bước sau đây:

1. Chọn tab **Strategies**.
2. Click + **Add** và chọn chiến lược bạn muốn theo dõi.
3. Click ► để hiển thị cây bên trái, bạn có thể đánh dấu để chọn các chiến lược ở đây.



4. Các chiến lược hết hạn sẽ có màu xám, để xóa các chiến lược hết hạn này thì click nút **Purge** (góc trái bên dưới).



5. Nếu bạn muốn sử dụng giá mặc định thì đánh dấu **Implied Prices**.

Chú ý: Nếu giá mặc định là xấu hơn giá mua bán tốt nhất thì giá thực tế sẽ được hiển thị thay thế giá mặc định.

6. Nếu cần thiết thì bạn có thể điều chỉnh các cột chẳng hạn như chọn cột, sắp xếp cột... Nếu cần nhiều thông tin hơn thì hãy xem phần **Các cột hiển thị trong màn hình Strategies**.

7. Ngoài việc lựa chọn các cột thì màn hình **Strategies** chỉ đơn giản là giống với màn hình **Hot Quotes**.

- Xem thêm phần **Cấu hình màn hình Hot Quotes**.
- Xem thêm phần **Giao dịch với màn hình Hot Quotes**.

Các cột hiển thị trong màn hình Strategies

Bằng cách click phải lên lưới và click **Select Columns** bạn có thể chọn các cột sau:

Cột	Giải thích
Outright Bid Price	<p>Giá của chiến lược, được xác định bởi giá của leg và các yêu cầu về cấu trúc của chiến lược.</p> <p>Ví dụ, giả sử bạn có các giá mua bán tốt nhất cho một butterfly (mua 1 lot leg 1, bán 2 lot leg 2 và mua 1 lot leg 3):</p> <p>Leg 1: Bid = 97.53, Offer = 97.55</p> <p>Leg 2: Bid = 97.545, Offer = 97.555</p> <p>Leg 3: Bid = 97.855, Offer = 97.86</p> <p>Giá mua tốt nhất là $97.53 - (2 * 97.555) + 97.855 = 0.275$</p>
Outright Bid Volume	<p>Khối lượng khả dụng của chiến lược, được xác định bởi khối lượng của leg và các yêu cầu về cấu trúc của chiến lược.</p> <p>Ví dụ, bạn có khối lượng sau và bạn muốn mua một butterfly:</p> <p>Leg 1: Bid = 24 lots, Offer = 10 lots</p> <p>Leg 2: Bid = 6 lots, Offer = 2 lots</p> <p>Leg 3: Bid = 8 lots, Offer = 7 lots</p> <p>Vì bạn được yêu cầu bán 2 lot/1 butterfly nên bạn bị hạn chế không thể giao dịch 1 lot được.</p>
Outright Offer Price	<p>Tương tự như Outright Bid Price, nhưng ở đây là giá bán.</p> <p>Ví dụ, giả sử bạn đang bán butterfly được mô tả ở trên cho Outright Bid Price:</p> <p>Leg 1: Bid = 97.53, Offer = 97.55</p> <p>Leg 2: Bid = 97.545, Offer = 97.555</p> <p>Leg 3: Bid = 97.855, Offer = 97.86</p> <p>Thì giá bán tốt nhất là $97.55 - (2 * 97.545) + 97.86 = 0.32$.</p>
Outright Offer Volume	<p>Tương tự như Outright Bid Volume, nhưng ở đây là khối lượng bán.</p> <p>Giả sử bạn đang bán butterfly như sau cho Outright Bid Volume:</p> <p>Leg 1: Bid = 24 lots, Offer = 10 lots</p> <p>Leg 2: Bid = 6 lots, Offer = 2 lots</p> <p>Leg 3: Bid = 8 lots, Offer = 7 lots</p> <p>Ở đây, yếu tố hạn chế là 6 lot. Do vậy bạn được yêu cầu mua 2 lot/ butterfly, bạn bị hạn chế giao dịch 3 lot/ butterfly.</p>
Total Traded Volume	<p>Tổng khối lượng đã giao dịch của chiến lược.</p> <p>Ví dụ, nếu bạn đã mua 1 butterfly, bạn có thể đã mua 1 lot của leg 1, bán 2 lot của leg 2 và mua 1 lot của leg 3: tổng cộng 4</p>

	leg, nhưng chỉ 1 butterfly, vì vậy tổng khối lượng là 1.
High Price Low Price	Giá cao nhất và thấp nhất của ngày giao dịch hiện tại.
Closing Price	Giá đóng cửa. Nó được tạo ra từ các giá thanh toán của các leg riêng lẻ.
Last Traded Price	Giá cuối cùng được giao dịch.

Sử dụng các chiến lược (MELs)

Bạn có thể tạo ra và giao dịch các “multi-exchange leggers” (MELs), đây là các chiến lược không được hỗ trợ bởi các Sở.

Bạn cũng có thể sử dụng MELs để giao dịch giữa các thị trường (ví dụ DAX với FTSE) và trong thị trường nội bộ (ví dụ LIFFE Short Sterling với Gilts). Những công dụng khác bao gồm việc mua/bán một chỉ số tương lai cho các chứng khoán ủy thác hoặc sử dụng khả năng tự động thực thi của MELs để giả lập iceberg.

MELs được thực thi một cách tự động khi giá đạt ngưỡng thích hợp. Có một rủi ro nhỏ về leg khi giao dịch với các chiến lược không được hỗ trợ như thế này, đó là rủi ro khi một leg thực thi trong khi những cái khác thì không, để giảm rủi ro với các giao dịch lớn thì bạn hãy chia nhỏ kích thước, ví dụ thay vì 100 thì chia thành 10.

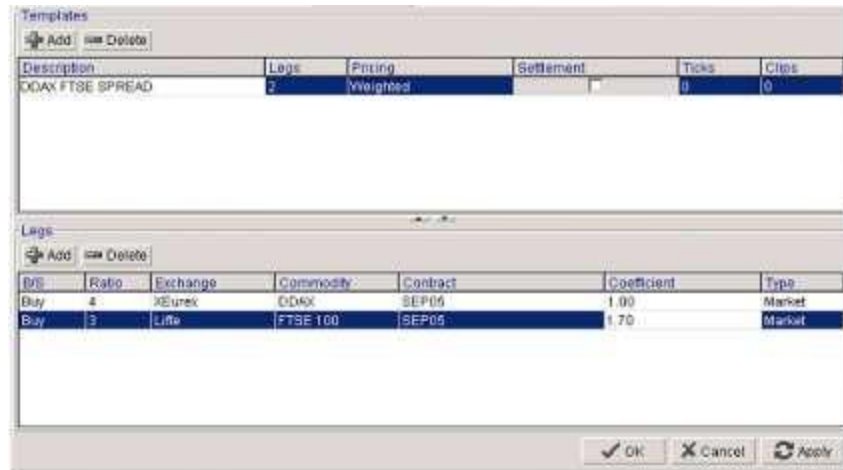
J-Trader sẽ tính toán một giá MEL cho chiến lược của bạn, sử dụng các tham số định nghĩa quan hệ giữa các leg. Đây là một lệnh tổng hợp, chỉ tồn tại nội bộ trong J-Trader không phải trên toàn bộ sàn.

Khi một leg được thực thi, nó tồn tại như là một lệnh bình thường trên Sở, nhưng không liên quan đến các lệnh ở những nơi khác (ngoại trừ màn hình của bạn).

Nếu bạn có công cụ **Strategy Calculator** thì bạn có thể tạo ra các chiến lược được Sở hỗ trợ.

Tạo một MEL

1. Trên màn hình **J-Trader** click **Settings**. Màn hình **Settings** xuất hiện.
2. Click tab **MEL Template**.



- Khung Templates (nửa trên màn hình) được dùng để định nghĩa MEL.
- Khung Legs (nửa dưới màn hình) được dùng để định nghĩa các leg.

Chú ý là bạn có thể sử dụng biểu tượng  ở giữa các frame để mở rộng từng khung.

3. Trong khung template, click Add và điền thông tin vào như sau:

Cột	Nhập hoặc lựa chọn
Description	Tên của chiến lược MEL, ví dụ DAX FTSE SPREAD.
Legs	(Chỉ cung cấp thông tin) Số leg trong chiến lược.
Pricing	Bạn muốn giá hiển thị được tính toán như thế nào: <ul style="list-style-type: none"> - Weighted: Giá MEL được tính theo tỷ lệ các leg, tỷ lệ bản thân chúng trong khung Legs, tỷ lệ cột. Ví dụ (4 x giá FDAX) với (3 x giá FTSE). - Linear: Mỗi leg được định giá theo tỷ lệ của nó, bất chấp tỷ lệ lúc thực thi: (1 x giá FDAX) với (1 x giá FTSE).
Settlement	Đánh dấu ô này để bao gồm giá thanh toán ở trước. Ví dụ (4 x (giá FDAX – giá thanh toán)) với (3 x (giá FTSE – giá thanh toán)).
Ticks	Chọn kích thước tăng trong đó bạn muốn giá của MEL được hiển thị. Các cơ số (32, 64, 128) hoặc 10 được sử dụng phụ thuộc vào hợp đồng chọn trong khung Legs. Nếu các leg sử dụng cơ số khác nhau thì J-Trader mặc định là cơ số lớn nhất.
Clips	Kích thước cắt ra. Ví dụ, bạn có thể giả lập iceberg bằng cách giao dịch 100 lot

4. Chú ý là bạn chỉ có thể nhập MEL là lệnh giới hạn, không phải lệnh thị trường. Khi bạn đã nhập một MEL, thì các trường hợp sau có thể xảy ra:

- Trước khi tiêu chí về giá của các leg được đáp ứng thì lệnh MEL được quản lý ở J-Trader cục bộ với trạng thái là **HO** (Held Order). Để:
 - o Giảm rủi ro về leg.
 - o Giảm thông lượng giao dịch.
 - o Tăng cơ hội khớp lệnh.

Các leg của MEL được gửi lên theo thứ tự được cấu hình trong **MEL template**. Bạn có thể xem các lệnh với trạng thái **HO** trong màn hình **Status**.

- Khi mà yêu cầu về giá được đáp ứng thì tất cả leg của MEL được gửi lên Sở như là lệnh giới hạn, ở giá tốt nhất thì chúng sẽ được khớp.
- Nếu một lệnh được kích hoạt bởi MEL không thể khớp được (vẫn còn trạng thái làm việc) thì MEL vẫn giữ các lệnh đang làm việc trong màn hình **Status**. Không có lệnh nào được gửi lên cho đến khi các leg được khớp hoặc hủy.
- MEL sẽ giữ lại các lệnh đang làm việc cho đến khi giá đạt đến ngưỡng (hoặc bạn sửa giá để nó đạt ngưỡng), hoặc cho đến khi bạn hủy các leg không thực thi. Bạn có thể sửa giá của leg trên màn hình **Status**.

Xem và cập nhật lệnh

Bạn có thể kiểm tra trạng thái của các lệnh đang hoạt động hoặc đã khớp của tài khoản bao gồm cả những lệnh bị từ chối. Bạn cũng có thể hủy, sửa, phục hồi hoặc tắt các lệnh này.

Các bước thực hiện như sau:

1. Trong cửa sổ giao dịch, chọn tab **Status**.



The screenshot shows the 'Status' tab in the J-Trader interface. It displays two sections: 'Working (0 Orders)' and 'Completed (4 Orders)'. The 'Completed' section contains a table with the following data:




Order ID	SI	Chk	Exchange	Commodity	Contract	Buy/Sell	Lots	Price	Fill Num	Avg Price
2338204	F		Liffe	EURIBOR	SEP09	Sell	1	199.060	1	199.060000000
2338203	F		Liffe	EURIBOR	SEP09	Sell	1	199.065	1	199.065000000
2338201	F		Liffe	EURIBOR	SEP09	Sell	1	199.115	1	199.115000000
2338202	F		Liffe	EURIBOR	SEP09	Buy	1	199.115	1	199.100000000

At the bottom of the window, there are buttons for 'Amend', 'Detail', 'Recap', 'Print', 'Export', 'CSV Export', 'Resubmit', 'Pull All', and 'Trade'.

2. Trong trường **Account**, chọn tài khoản để theo dõi.

3. Nếu các hợp đồng ở khung **Working** (phía trên) màu xám thì có nghĩa là thị trường đã đóng cửa. Các lệnh hết hạn và các lệnh trong ngày xuất hiện trong khung **Completed** (ở phía dưới). Để xóa các lệnh đã hết hạn trên màn hình **Status** và phần còn lại của J-Trader, click **Purge** (phía dưới bên trái).

4. Bạn có thể thực hiện các thao tác sau đây để thay đổi hiển thị:

Để làm điều này	Theo các bước sau
Chọn/Bỏ chọn, thay đổi kích thước cột	Click phải lên bất kì cột nào. Các cột được mô tả trong Các cột của màn hình Status .
Sắp xếp lệnh	Click vào tiêu đề cột bạn muốn sắp xếp. Click lần nữa thì nó sẽ đảo ngược sắp xếp. Một icon xuất hiện để chỉ rõ cột và chiều sắp xếp.
Lọc lệnh	<p>Bạn có 2 lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none">- Click phải vào tiêu đề cột và chọn một phần tử trong danh sách. Ví dụ để liệt kê các lệnh từ 1 Sở, click phải lên cột Exchange và chọn Sở cần xem. Đối với một số cột, bạn có thể chỉnh sửa một trường để nhập điều kiện lọc lệnh, ví dụ E* để lọc các lệnh bắt đầu với ký tự 'E'. Sau khi lọc cột nào thì tiêu đề của nó sẽ đổi màu.- Click  (ở khung Working hoặc Completed) và chọn tham số lọc mà bạn muốn. <p>Để tắt chế độ lọc lệnh:</p> <ul style="list-style-type: none">- Click , nút này ở bên phải nút .- Hoặc click phải vào bất kỳ cột nào và chọn Remove Filter.

5. Các nút trong khung **Working Orders**:

Nút	Giải thích
Pull orders	Hủy các lệnh đã chọn. Bạn có thể chỉ hủy các lệnh đang hoạt động, chưa kích hoạt hoặc khớp 1 phần. Bạn cũng có thể hủy từng lệnh riêng lẻ hoặc hủy hết lệnh bằng cách click Pull All .
Activate	Gửi lệnh chưa kích hoạt (Status=I) lên Sở.
Deactivate	Làm mất hiệu lực của lệnh (Status = I).
Near Orders	Sắp xếp theo trạng thái gần nhất của giá giao dịch cuối cùng

	(gần nhất ở trên).
Last Entered	Sắp xếp lệnh khi chúng được nhập vào (gần nhất ở trên).

Các nút khác:


Nút	Giải thích
Amend	Sửa lệnh.
Detail	Xem chi tiết lịch sửa của lệnh (có thể click phải để xem).
Recap	(Chỉ dùng cho khung Completed và Working) Hiển thị tóm tắt các lệnh, bỏ qua các lệnh hủy và bị từ chối. Bạn có thể copy, in hoặc xuất nội dung ra file (.csv, .txt).
Print	In các lệnh đã chọn, đánh dấu nội dung bạn muốn in: <ul style="list-style-type: none"> - Print Fills: chỉ in lệnh khớp. - Print History: in toàn bộ lịch sử của lệnh. - Use Filters: sử dụng bộ lọc đối với màn hình Status. - Landscape: In báo cáo dạng ngang.
Export	Xuất Exports all of the selected orders as a .txt file, to your choice of folder and filename.
CSV Export	Xuất tất cả các lệnh ra file .csv. <ul style="list-style-type: none"> - Export BOI Order Details: xuất ra định dạng có thể nhập ngược trở lại J-Trader. - Export Full Order Details: Xuất tất cả lệnh trong khung Working.
Resubmit	Gửi lại các lệnh đã hủy (trạng thái là 'C' và 'BC'). Các lệnh có thể bị hủy khi Sở có sự cố. Chọn các lệnh bạn muốn gửi lại, sau đó nhấn Resubmit. Nếu không có lệnh nào ở trạng thái 'C' hoặc 'BC' thì nút này có màu xám. Trong menu xuất hiện, chọn loại lệnh bạn muốn gửi lại: <ul style="list-style-type: none"> - Resubmit Balance: Số lượng lot bằng với số lượng chưa khớp của lệnh gốc. Các lệnh chưa khớp thì sẽ được gửi đúng số lượng đã đặt ban đầu. - Resubmit Total: Gửi lại lệnh chưa số lượng giống với lệnh gốc bất chấp lệnh đã khớp 1 phần hay chưa. Hãy cẩn thận khi gửi lại nhiều lệnh cùng lúc, tổng số lot có

	<p>thể rất lớn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Resubmit Balance as Inactive: Tương tự Resubmit Balance, tuy nhiên ở đây các lệnh được gửi đi với trạng thái chưa kích hoạt, nó sẽ ở trong khung Working cho đến khi bạn click Activate. - Resubmit Total as Inactive: Tương tự Resubmit Total, tuy nhiên ở đây các lệnh được gửi đi với trạng thái chưa kích hoạt, nó sẽ ở trong khung Working cho đến khi bạn click Activate. <p>Bất kỳ một lệnh mới nào được tạo ra theo dạng gửi lại như trên đều được cấp lại một số hiệu lệnh mới.</p>
Purge	Click để gỡ bỏ các hợp đồng hết hạn từ màn hình Status và toàn bộ J-Trader.

Các cột của màn hình Status

Bằng cách click phải lên 1 trong 2 khung trong màn hình **Status** và click **Select Columns**, bạn có thể chọn các cột sau:

Cột	Giải thích
Status	<p>Các trạng thái của lệnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - AP: Đang chờ sửa (Amend Pending) - BC: Đã hủy số dư (Balance Cancelled) - C: Đã hủy (Cancelled) - CH: Giữ hủy lệnh (Cancel Held) - CI: Đã hủy lệnh chưa kích hoạt (Cancelled Inactive) - CP: Đang chờ hủy (Cancel Pending) - F: Đã khớp (Filled) - HO: Giữ lệnh (Held Order) - I: Chưa kích hoạt (Inactive Order) - OF: (Outstanding Fill) - OP: (Outstanding Part-Fill) - P: Khớp một phần (Part-Filled) - R: Từ chối (Rejected) - W: Đang hoạt động (Working) <p>Đối với lệnh tổng hợp hoặc lệnh thời gian, màn hình Status hiển thị trạng thái con của lệnh là một ký tự thứ hai bên cạnh W (Lệnh đang hoạt động), ví dụ 1 lệnh SyOMS có trạng thái WP có nghĩa là Working Pending.</p>

	Gợi ý: Bạn có thể cấu hình màn hình Status cho các lệnh tổng hợp và lệnh thời gian hiển thị ở các màu khác nhau, hãy sử dụng khung Colours trong màn hình Settings , tab Display và thiết lập màu sắc cho các loại lệnh trong danh sách.
Checked (completed orders only)	Click kép vào ô Checked để đánh dấu. Cột này được dùng cho các nhà môi giới, cung cấp cho bạn phương tiện để xác nhận rằng bạn đã kiểm tra đơn hàng với khách hàng.
Exchange	Tên Sở giao dịch
Commodity	Tên hàng hóa
Contract Date	Ngày hợp đồng
Buy/Sell	Mua hoặc Bán
Order Type	Loại lệnh
Lots	Số lot
Price	Giá của lệnh
Limit Price (Stop-Limit)	(Chỉ cho lệnh dừng) Giá giới hạn
Filled/Working (working orders) hoặc Lots Filled (completed orders)	Số lượng khớp và số lot hoạt động liên quan đến đơn hàng.
Number of Fills	Số mảnh cắt ra
Average Price	Giá trung bình
Single-Click Cancel (Working orders)	Cột  để hủy lệnh
Trader Account	Tài khoản
User ID	ID của người đặt lệnh
Good Till Date	Ngày mà hệ thống còn giữ lại lệnh nếu nó không bị hủy hoặc khớp.
Reference	Trường văn bản tự do được gửi đến Back Office.
Reason	Lý do lệnh bị từ chối Gợi ý: Để xem toàn bộ thông điệp, click phải lên bất kỳ ô nào và chọn Size All Columns to Contents .

Amount	(Chỉ dùng cho IFX) Giá trị của giao dịch, thể hiện dưới dạng triệu của tiền tệ, ví dụ 0.005m là 5,000.
Entry Time	Thời gian lệnh vào hệ thống
Trigger Time	Thời gian mà lệnh tổng hợp được kích hoạt.
Priority	(Chỉ dùng cho lệnh tổng hợp và lệnh thời gian) Độ ưu tiên của lệnh (từ 1 đến 9, 9 là cao nhất). Lệnh có độ ưu tiên cao sẽ thực thi trước các lệnh có cùng giá khác.
ESA Reference	Trường văn bản tự do để nhập thông tin ESA.
Execution ID	Không sử dụng
Open/Close	Giao dịch này là mở hay đóng vị thế
APIM Code	Xác định làm thế nào mà một lệnh được gửi lên, mã APIM (Automatic Price Injection Model) có ý nghĩa là: <ul style="list-style-type: none"> - A: Tự động - M: Bằng tay - G: Được tạo ra bởi API - T: Lệnh từ các hãng thứ 3 - U: Không xác định (được sử dụng ở các Sở mà APIM không được hỗ trợ)
Filled Time	Thời gian khớp lệnh

Xem vị thế

Bạn có thể xem giá trị vị thế của tài khoản, tổng khối lượng mua bán và chi phí giao dịch, lời lỗ và giá trung bình. Hơn nữa, bằng cách click vào mỗi hợp đồng bạn có thể xem một cách đầy đủ về hợp đồng đó. Vị thế và lời lỗ được cập nhật tự động sau mỗi giao dịch.

Thực hiện theo các bước sau:

1. Chọn tab **Positions**.

Window 1

Hot Quotes Matrix Status Position Reports Accounts Options Strategies

Position: Open
Profit & Loss: 6289.31

Account: FOHTA1

Contract	Net Pos	Average	Last	Open P&L	Cum P&L	Total P&L
AEX \ FTI \ DEC04	-49	304.996	304.80	9600.00	400.00	10000.00
TOTAL:	-49			6037.74	251.57	6289.31

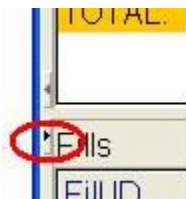
Fills

Fill ID	Order ID	Lots	Price	Filled	Received
AEX	10:145598	S 50	305.00	09/11/04 10:35:0	09/11/04 10:36:0
AEX	10:145599	B 1	304.80	09/11/04 10:36:1	09/11/04 10:38:0
AEX	10:145599	B 1	304.80	09/11/04 10:44:5	09/11/04 10:46:4
AEX	10:145600	S 1	304.80	09/11/04 10:36:1	09/11/04 10:38:0

Trong khung phía trên, bạn có vị thế của mỗi hợp đồng, hàng màu cam là tổng cộng.

Chú ý là bạn có thể hiển thị theo tiền tệ ở quốc gia bạn hoặc hệ thống tiền tệ của hệ thống, trong J-Trader chỉ cần thiết lập thuộc tính LOCAL_CURRENCY = TRUE.

2. Trong cây vị thế ở khung bên trái, chọn vị thế bạn muốn xem, nếu khung bên trái bị đúng thì click như sau:



3. Chọn tài khoản liên quan, chú ý các thông tin sau:

Status	Position	Report
	Position: Flat	
	Profit & Loss : 0.00	

Trong đó:

- Vị thế cho thấy trạng thái của tài khoản là **Open** hoặc **Flat**.
- Tổng lời lỗ được thể hiện theo tiền tệ của hệ thống.

4. Để xem đầy đủ về hợp đồng, hãy click vào khung ở bên trên và hợp đồng sẽ hiển thị ở khung bên dưới.

5. Để thay đổi cột hiển thị, hãy click phải vào lưới, chọn **Select Columns**.

Các cột trong khung Positions

Bằng cách click phải lên khung **Positions** của màn hình và chọn **Select Columns**, bạn có thể chọn các cột sau:

Cột	Giải thích
Net Position	Vị thế ròng của hợp đồng, ví dụ +20 là cho '20 lots long' và -10 là cho '10 lots short'.
Buys	Số lượng mua
Sells	Số lượng bán
Average Price Buys Average Price Sells Average Price	Giá trung bình cho: <ul style="list-style-type: none">- Vị thế- Vị thế mua- Vị thế bán Sau khi bắt đầu ngày, giá trung bình phản ánh giá thanh toán ngày hôm qua.
Last Traded Price	Giá giao dịch cuối cùng
Open Profit & Loss	Vị thế hiện tại, giá trung bình của vị thế ròng dựa vào giá giao dịch cuối cùng. Nếu không có giá giao dịch cuối cùng thì vị thế ròng được dựa trên giá thanh toán hôm nay.
Cumulative Profit & Loss	Vị thế ròng đã đóng, được tính toán dựa trên giá giao dịch cuối cùng.
Total Profit & Loss	Tổng vị thế, bằng Cumulative Profit & Loss + Open Profit & Loss. Nó có thể bao gồm hoặc không bao gồm vị thế mở từ ngày trước. Thường thì những tài khoản được sử dụng bởi những người không muốn xây dựng vị thế (ví dụ nhà môi giới và quản lý quỹ) sẽ không bao gồm giao dịch ngày trước, tuy nhiên những tài khoản khác thì lại cần.
Commission	Tổng hoa hồng trả cho giao dịch của hợp đồng, được tính trên mỗi lot.
Currency	Tiền tệ của hợp đồng
Margin per Lot	Ký quỹ cho mỗi lot, đối với hợp đồng này và người sử dụng.
% P/L Burn Rate	Tỷ lệ P&L với SODNLV.
% Open Position Exposure	Tỷ lệ của ký quỹ với (SODNLV + P&L).

Buying Power Remaining Cash Buying Power Remaining	(SODNLV +/- P&L) nhỏ hơn vị thế kỹ quỹ yêu cầu, thể hiện dưới dạng: - Phần trăm - Số lượng thực tế So sánh với Equity bên dưới.

Ghi chú: SODNLV là ‘start-of-day net liquidity value’, là số tiền khả dụng mà bạn có thể giao dịch trong ngày.

Các cột trong khung Fills

Bằng cách click phải lên khung **Fills** của màn hình và chọn **Select Columns**, bạn có thể chọn các cột sau:

Cột	Giải thích
Order ID	ID của lệnh
Lots	Số lượng khớp, ví dụ S 50 là bán 50 lot, B 20 là mua 20 lot.
Price	Giá khớp
Date/Time Filled	Thời gian khớp
Date/Time Received	Thời gian xác nhận giao dịch

Chương 6: Các công cụ của J-Trader

Các công cụ của J-Trader được thể hiện trong các mục ở menu **J-Trader’s Tools**.

Khái quát menu Tools

Menu Tools của J-Trader bao gồm;

Tùy chọn	Công dụng
Scroll Ticker	Hiển thị sự lựa chọn về giao dịch, sở, hợp đồng, ngày hợp đồng.
Strategy Calculator	Tạo và tính toán các chiến lược giao dịch.
Flex Calculator	Tính toán lại các tùy chọn về giá, chẳng hạn delta và gamma. Cảnh báo: Có một số vấn đề với công cụ này, bạn không nên sử dụng nó. Vì lý do đó mà nó không được mô tả trong phần Hướng dẫn sử dụng này.

List Ticker	Hiển thị tất cả các quyền chọn, tương lai, RFQs, phát thảo và chiến lược giao dịch với bất kỳ hợp đồng trên bất kỳ Sở nào: với các thông tin truy cập trực tiếp về giá và giao dịch.
Bulk Order Input	Gửi một số lượng lớn các lệnh lên Sở sử dụng Excel.
Fill Window	Hiển thị các thông báo về khớp lệnh

Sử dụng Scroll Ticker

Chức năng này chỉ tồn tại nếu tổ chức của bạn có yêu cầu về quyền hạn. Hãy liên lạc với người quản lý tài khoản của Patsystems để biết thêm thông tin.

Theo các bước sau đây:

1. Từ menu J-Trader chọn **Tools Scroll Ticker**.
2. Mặc định tất cả các hợp đồng đều được chọn. Bạn có thể bỏ chọn bằng cách click vào khung bên trái và bỏ chọn những mục bạn không muốn.



3. Điều khiển bằng cách sử dụng các nút:

					
Đến mục đầu tiên	Ngược lại	Chạy	Dừng	Chạy nhanh	Đến mục cuối cùng

Các lựa chọn khác

Mục	Giải thích
Vol	Chọn khối lượng nhỏ nhất muốn hiển thị
RFQs Options Futures	Chọn danh mục hợp đồng muốn xem
17:16:19	Hiển thị giờ hiện tại (hours:minutes:seconds).

Tạo ra các chiến lược

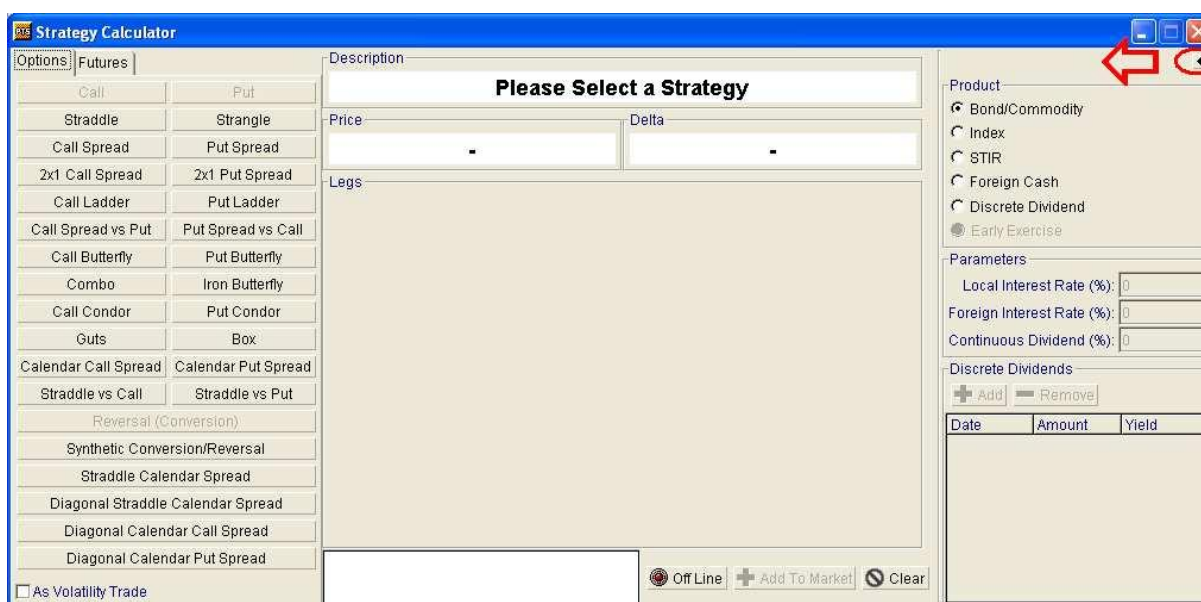
Bạn có thể xây dựng các chiến lược của riêng bạn mà Sở hỗ trợ và gửi yêu cầu này đến Sở. Sau khi Sở tạo ra chiến lược này thì bạn có thể giao dịch.

Chú ý là bạn có thể tạo ra các chiến lược mà Sở không hỗ trợ bằng cách sử dụng chức năng MEL đã giới thiệu ở chương trước, bạn cũng có thể sử dụng lịch để giao dịch trong màn hình **Matrix**.

Trước khi bạn sử dụng **Strategy Calculator**, người quản trị hệ thống cần phải cài đặt module **Strategy Creator**, bạn có thể sẽ cần địa chỉ IP và số cổng trong phần thiết lập mạng.

Thực hiện theo các bước sau đây:

1. Từ menu J-Trader, chọn **Tools -> Strategy Calculator**, chú ý bạn có thể click nút  để đóng khung bên phải.



2. Chọn tab **Options** hoặc **Futures**, phụ thuộc vào loại bạn muốn tạo.

3. (Chỉ dùng cho tab Options) Nếu bạn muốn có một chiến lược trung tính (rủi ro của quyền chọn được bù đắp dựa vào giá hiện tại), chọn **As Volatility Trade**. Chú ý sự thay đổi của loại chiến lược.

4. Từ khung bên trái, chọn loại chiến lược cần tạo. Khung legs sẽ hiển thị các thông tin của chiến lược, mỗi dòng của nó như sau:

Legs					
Buy Call - No Underlying Selected				△ Underlying	
Exchange	Commodity	Contract Date	Strike	Price	Volatility
					15.00

5. Điền các thông tin vào.

Chú ý trường **Description** được tự động cập nhật dựa trên các thông số bạn chọn, theo lý thuyết thì Delta và Price sẽ được tính toán cho bạn.

6. Click  Off Line /  On Line để chuyển đổi:

- Offline: Bạn có thể nhập giá của bạn.
- Online: Giá được cập nhật động từ thị trường hiện tại.

7. Trong khung **Product**, chọn sản phẩm bạn muốn giao dịch. Strategy Calculator sau đó áp dụng các mô hình giá liên quan:

Sản phẩm	Chọn mô hình giá
Bond/ Commodity	Black-Scholes.
Index	Black-Scholes, sử dụng giá trị lãi suất trong nước (%).
STIR	Black-Scholes, sử dụng một lãi suất mặc định (100% - lãi suất hiện tại bạn nhập vào)
Foreign Cash	Black-Scholes với lãi suất nước ngoài, sử dụng lãi suất trong nước và lãi suất nước ngoài.
Early Exercise	Thực thi theo kiểu Mỹ, ví dụ quyền chọn có thể được thực thi ở bất kỳ thời điểm nào.

8. Điền các thông tin vào, phụ thuộc vào loại sản phẩm bạn chọn.

Trường	Giải thích
—Parameters—	<ul style="list-style-type: none"> - Lãi suất địa phương (%): Lãi suất cơ sở. Nếu Foreign Cash được chọn thì nó sẽ được so sánh với lãi suất nước ngoài. - Foreign Interest Rate (%): [Chỉ dùng cho Foreign Cash] Lãi suất nước ngoài. - Continuous Dividend (%) [Chỉ dùng cho Early Exercise]: Tỷ lệ cổ tức liên tục.
—Discrete Dividends—	<p>(Chỉ dùng cho Discrete Dividend)</p> <p>Chủ yếu dành cho các tùy chọn về tài sản, và dự đoán cổ tức trong tương lai.</p> <p>Với mỗi cổ tức bạn muốn thêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Click +Add. - Nhập ngày, cổ tức.

9. Để gửi yêu cầu đến Sở, click **+Add To Market**.

Các chiến lược quyền chọn

Chiến lược quyền chọn	Giải thích
Call	Call chuẩn
Put	Put chuẩn
Straddle	Mua put, mua call ở cùng giá thực thi
Strangle	Mua put, mua call ở giá thực thi cao hơn
Call Spread	Mua call, bán call (cùng tháng) ở giá thực thi cao hơn
Put Spread	Mua put, bán put (cùng tháng) ở giá thực thi thấp hơn
2x1 Call Spread	Bán call, mua 2 call ở giá thực thi cao hơn
2x1 Put Spread	Bán put, mua 2 put ở giá thực thi thấp hơn
Call Spread vs Put	Mua 1 call spread với bán 1 put: mua 1 call, bán 1 call ở giá cao hơn, bán 1 put ở bất kỳ giá thực thi nào
Put Spread vs Call	Mua 1 put spread với bán 1 call: mua 1 put, bán 1 put ở giá thấp hơn, bán 1 call ở bất kỳ giá thực thi nào
Call Butterfly	Mua call, bán 2 call ở giá thực thi cao hơn, mua call ở giá thực thi cao hơn (giá thực thi không liên tục và khoảng cách giữa chúng không cần phải bằng nhau)
Put Butterfly	Mua put, bán 2 put ở giá thực thi cao hơn, mua put ở giá thực thi cao hơn (giá thực thi không liên tục và khoảng cách giữa chúng không cần phải bằng nhau)
Combo	Bán call, mua put ở giá thực thi thấp hơn
Iron Butterfly	Mua straddle, bán strangle. Nó phải theo tuần tự sau đây: Bán put, mua put và call ở giá thực thi cao hơn, bán call ở giá thực thi cao hơn. (giá thực thi không liên tục và khoảng cách giữa chúng không cần phải bằng nhau)
Call Condor Put Condor	Mua tháng gần, bán tháng xa, nhưng vẫn bán tháng xa và mua tháng xa (Tháng giao hàng không cần liên tục và cũng không cần phải bằng nhau)
Calendar Call Spread	Bán call tháng gần, mua call tháng xa (cùng giá thực thi trong 2 tháng)
Calendar Put Spread	Bán put tháng gần, mua put tháng xa (cùng giá thực thi trong 2 tháng)
Straddle vs Call	Mua 1 straddle với bán 1 call: mua straddle (chẳng hạn mua 1 put và call ở cùng giá thực thi), bán 1 call ở bất kỳ giá thực thi

	nào
Straddle vs Put	Mua 1 straddle với bán 1 put: mua straddle (chẳng hạn mua 1 put và call ở cùng giá thực thi), bán 1 put ở bất kỳ giá thực thi nào
Reversal (Conversion)	Nghịch đảo: mua call, thiết lập put ở cùng giá, bán giá cơ bản Chuyển đổi: theo thứ tự như Nghịch đảo, nhưng gửi lên thị trường là lệnh bán.
Synthetic Conversion/ Reversal	Tương tự như Reversal (Conversion), chỉ khác là bạn không giao dịch leg
Straddle Calendar Spread	Bán Straddle ở tháng gần, mua straddle ở tháng xa với cùng giá thực thi (Bán put tháng gần, bán call tháng gần, mua put tháng xa, mua call tháng xa)
Diagonal Straddle Calendar Spread	Bán straddle tháng gần, mua straddle tháng xa với giá thực thi khác nhau: bán put tháng gần, bán call tháng gần, mua put tháng xa, mua call tháng xa
Diagonal Calendar Call Spread	Bán call tháng gần, mua bất kỳ call ở tháng xa với giá thực thi khác nhau
Diagonal Calendar Put Spread	Bán put tháng gần, mua bất kỳ put ở tháng xa với giá thực thi khác nhau

Các chiến lược tương lai

Chiến lược quyền chọn	Giải thích
Calendar Spread	Mua tháng gần, bán tháng xa
Butterfly	Mua hợp đồng tháng gần, bán 2 hợp đồng tháng xa, mua 1 hợp đồng ở tháng xa hơn (tháng giao hàng không cần phải bằng nhau)
Condor	Mua hợp đồng tháng gần, bán tháng sau đó, vẫn bán tháng sau đó và mua tháng sau (tháng giao hàng không cần phải bằng nhau)
ICS Spread	(Chỉ dành cho Sở eCBOT) Mua hợp đồng tương lai, bán hợp đồng tương lai. Hai hàng hóa khác nhau có thể được chọn và tỷ lệ được thiết lập cho leg đầu tiên và leg thứ hai

Sử dụng List Ticker

List Ticker (menu **Tools/List Ticker**) hiển thị các quyền chọn, tương lai, RFQs, chiến lược giao dịch cho bất kỳ hợp đồng ở Sở nào. Nó cung cấp các thông tin về giá cả và các giao dịch. Chú ý là bạn có thể xem chứ không thể nhập hoặc sửa lệnh ở đây.

Theo các bước sau đây:

1. Từ menu **J-Trader**, chọn **Tools -> List Ticker**.
2. Mặc định, tất cả đều được chọn. Bạn có thể chọn từng mục bằng cách click để chọn hoặc bỏ chọn.



3. Bạn có thể sắp xếp hoặc chỉnh lại độ rộng của các cột hiển thị.

4. Phần còn lại của màn hình:

Mục	Giải thích
Vol.	Chọn khối lượng nhỏ nhất hiển thị
RFQs Options Futures	Danh mục hợp đồng muốn xem
Trade ticket Column	Click lên cột thứ 2 từ phải sang để mở phiếu giao dịch hợp đồng. Trong phiếu này, khối lượng mặc định sẽ là Vol., giá sẽ là giá giao dịch cuối cùng.
Options screen Column	(Chỉ dùng cho Options) Click lên cột cuối cùng để mở màn hình Options .

Nhập hàng loạt lệnh

Bạn có thể nhập một số lượng lớn các lệnh đến bất kỳ Sở nào. Bạn có thể gửi lệnh trước thời điểm mở cửa thị trường, nhưng bạn có thể chỉ định thời điểm vào lệnh, thậm chí là cho từng lệnh.

Để thực hiện thì bạn cần có một file .csv, bạn có thể dùng Excel để soạn thảo, nó sẽ giúp tiết kiệm thời gian và hạn chế lỗi. Nếu bạn là một người môi giới, bạn có thể làm mỗi Sheet (trong Excel) cho một khách hàng.

Mô tả định dạng file

Đây là định dạng file .csv mà bạn sử dụng để nhập lệnh:

```
B,20,Stop#,97.750,0.000,,Liffe,EURIBOR,MAR05,BEAGLE,,Stop order,,0
S,20,GTC Limit,,,,Liffe,EURIBOR,,BEAGLE,,GTC,,0
B,25,Limit,0.100,0.000,,Liffe,EURIBOR,MAR05 97000 C,BEAGLE,,options 1,,0
S,25,Limit,0.120,0.000,,Liffe,EURIBOR,MAR05 97000 C,BEAGLE,,options 2,,0
B,26,Limit,1.060,0.000,,Liffe,EURIBOR,MAR05 97000 P,BEAGLE,,options 3,,0
S,27,Limit,1.080,0.000,,Liffe,EURIBOR,MAR05 97000 P,BEAGLE,,options 4,,0
B,10,Limit,0.7575,0.0000,,IFX,AD,IMM,SPANIEL,,IFX0001,,0
S,10,Limit,0.7625,0.0000,,IFX,AD,IMM,SPANIEL,,IFX0002,,0
B,10,Deal,0.0000,0.0000,,IFX,AD,IMM,SPANIEL,,IFX0003,,0
S,9,Deal,0.0000,0.0000,,IFX,AD,IMM,SPANIEL,,IFX0004,,0
```

Các thông tin cách nhau bởi dấu phẩy, nếu trường nào không có dữ liệu thì ngăn cách bởi 2 dấu phẩy.

Lấy dòng đầu tiên làm ví dụ, ở đây có các trường như sau:

STT	Ví dụ	Giải thích
1	B	B = Mua, hoặc S = Bán.
2	20	Số lot.
3	Stop#	Loại lệnh. Tất cả loại lệnh được hỗ trợ ngoại trừ MELs.
4	97.750	Giá thực thi.
5	0.000	(Chỉ dùng cho Lệnh giới hạn) Giá giới hạn.
6	[empty]	Có thể bỏ qua: nó được dùng cho phát triển các lệnh thời gian và tổng hợp.
7	Liffe	Sở, hợp đồng, hạn thanh toán, và tài khoản khách hàng. Dữ liệu phải khớp với thông tin trong J-Trader.
8	EURIBOR	
9	MAR05	
10	BEAGLE	
11	[empty]	(Chỉ dùng cho lệnh GTD)

		Ở định dạng dd/mm/yyyy, ngày mà lệnh có thể tồn tại nếu không bị khớp hoặc hủy. Chú ý ví dụ với 30/12/09 có nghĩa là bao gồm cả ngày 30/12/09.
12	Stop order	Trường tham khảo (tối đa 20 ký tự). Bạn có thể cung cấp bất cứ thông điệp nào bạn muốn, ví dụ thông tin xác định lệnh, hoặc thông điệp gửi đến back office khi họ nhận được lệnh từ hệ thống. Thông điệp này được xuất hiện trên màn hình Status và được giữ suốt chu kỳ sống của lệnh, những người giao dịch khác cùng nhóm cũng có thể nhìn thấy.
13	[empty]	(Chỉ dùng cho Lệnh thời gian) Ngày giờ thực thi lệnh, ở định dạng dd/mm/yyyy hh:mm:ss.
14	0	Độ ưu tiên của lệnh (0-9), 0 có nghĩa là không có độ ưu tiên. Ví dụ: Nếu các lệnh ở cùng thời điểm, giá và số lượng thì lệnh có độ ưu tiên 1 sẽ thực thi trước 2.
15	Batch ID	OCO. Một số định dạng cho mỗi cặp lệnh.
16	Leg Index	OCO. Một số định dạng cho mỗi leg của lệnh để xác định leg chính hay phụ (1 cho leg đầu, 2 cho leg thứ 2).
17	Split volumes across orders	OCO. Thiết lập TRUE hoặc FALSE.

Bạn có thể định nghĩa nhiều trường hơn, định dạng không hạn chế số trường, tuy nhiên chú ý là J-Trader có thể bỏ qua chúng, xem ví dụ sau:

```
S,27,Limit,1.080,0.000,,Liffe,EURIBOR,MAR05 97000 P,BEAGLE,,options 4,,0,user def1,
user def2
```

Cách gửi hàng loạt lệnh từ J-Trader

Giả sử là bạn đã có file .csv như định dạng ở trên, để gửi lệnh hàng loạt từ J-Trader thì làm như sau:

1. Từ màn hình chính **J-Trader**, chọn **Tools -> Bulk Order Input**.
2. Chọn file .csv bạn muốn sử dụng:
 - Click **Load** để chọn file .csv và click **Open**.
 - Hoặc có thể kéo và thả file trực tiếp vào màn hình **Bulk Order Input**.

Bạn có thể thêm nhiều file .csv, màn hình sẽ hiển thị tất cả lệnh.

B/S	Chk	Lots	Order Ty	Price	Price2	Price3	Exchange	Comms	Contract	Trade A	Se	Good Ti	Referen	Trigg	Priority	File	Load Ti
S		10	Stop	132.47			IFX	EJ	FINEX	SPANIEI	✓		IFX0024			Demo.c	14:07:58
B		10	GTC Sto	130.52			IFX	EJ	FINEX	SPANIEI	✓		IFX0019			Demo.c	14:07:58
S		20	GTC Lin				Liffe	EURIBO	BEAGLE	✗		GTC				Demo.c	14:07:58
B		20	Stop#	97.750			Liffe	EURIBO	MAR05	BEAGLE	✓		Stop ord			Demo.c	14:07:58
B		25	Limit	0.100			Liffe	EURIBO	MAR05	BEAGLE	✓		options			Demo.c	14:07:58
S		25	Limit	0.120			Liffe	EURIBO	MAR05	BEAGLE	✓		options			Demo.c	14:07:58
B		26	Limit	1.060			Liffe	EURIBO	MAR05	BEAGLE	✓		options			Demo.c	14:07:58
S		27	Limit	1.080			Liffe	EURIBO	MAR05	BEAGLE	✓		options			Demo.c	14:07:58
B		000000	Stop	1.7925			IFX	GBPUS	SPOT	SPANIEI	✓		IFX0035			Demo.c	14:07:58
B		000000	Limit	1.7900			IFX	GBPUS	SPOT	SPANIEI	✓		IFX0025			Demo.c	14:07:58
S		000000	GTC Sto	1.8000			IFX	GBPUS	SPOT	SPANIEI	✓		IFX0032			Demo.c	14:07:58
B		000000	GTC Lin	1.7901			IFX	GBPUS	SPOT	SPANIEI	✓		IFX0029			Demo.c	14:07:58

3. Nếu cần thiết, bạn có thể sắp xếp và lọc lại lệnh, bạn có thể điều chỉnh các cột như chọn, sắp xếp và thay đổi độ rộng cột, hơn nữa bạn có thể thay đổi mô hình màu hiển thị.

Bạn có thể xóa lệnh bằng cách chọn lệnh rồi click **Remove**. (có thể nhấn Shift-click hoặc Ctrl-click để chọn nhiều lệnh)

Nếu bạn lọc hoặc xóa lệnh, bạn sẽ thấy thông điệp:

B/S	Chk	Lots	Order Ty	Price	Price2	Price3	Exchange	Commodi	Contract	Trade
B		20	Stop#	17.750			Liffe	EURIBOR	MAR05	FOHT

4. Để chỉnh sửa lệnh:

- Click kép lên mỗi hàng hoặc click rồi chọn **Edit**, một hộp thoại **Bulk Order Edit** xuất hiện.

Gợi ý: Để sửa nhiều lệnh thì hãy chọn chúng, hộp thoại sẽ xuất hiện theo thứ tự: sau khi bạn sửa xong lệnh thứ 1 thì hộp thoại tiếp theo sẽ xuất hiện để sửa lệnh thứ 2...

- Nhập các thông tin vào hộp thoại này, các thông tin trên hộp thoại:

Trường	Nhập hoặc lựa chọn
Price	Giá thực thi lệnh.
Limit Price	(Chỉ dùng cho Lệnh giới hạn) Giá giới hạn.
Good Till Date	(Chỉ dùng cho lệnh GTD) Ngày mà lệnh có thể tồn tại nếu không bị khớp hoặc hủy.
Trigger Time	(Chỉ dùng cho Lệnh thời gian) Ngày giờ thực thi lệnh.
Priority	Độ ưu tiên của lệnh (0-9), 0 có nghĩa là không có độ ưu tiên. Ví dụ: Nếu các lệnh ở cùng thời điểm, giá và số lượng thì lệnh có độ ưu tiên 1 sẽ thực thi trước 2.
Account	Tài khoản giao dịch
Reference	Trường tham khảo (tối đa 20 ký tự). Bạn có thể cung cấp bất cứ thông điệp nào bạn muốn, ví dụ thông tin xác định lệnh, hoặc thông điệp gửi đến back office khi họ nhận được lệnh từ hệ thống. Thông điệp này được xuất hiện trên màn hình Status và được giữ suốt chu kỳ sống của lệnh, những người giao dịch khác cùng nhóm cũng có thể nhìn thấy.

- Click **Save**. Màu nền đỏ sẽ chuyển sang trắng để thể hiện là tất cả các yêu cầu đều đã được đáp ứng.

5. (Tùy chọn) In ấn hoặc xuất dữ liệu:

Để làm điều này	Theo các bước sau
In ấn	<ul style="list-style-type: none"> - Click Print. - Trong hộp thoại xuất hiện, chọn 1 trong các lựa chọn: <ul style="list-style-type: none"> o All Orders (tất cả lệnh đã nhập) o All Filtered Orders (các lệnh đã nhập sau khi lọc) o Selected Orders (chỉ những lệnh đã chọn) - Click Ok. <p>Chú ý: Các trường tự định nghĩa sẽ không được in ra.</p>
Xuất dữ liệu	Để xuất dữ liệu ra file .csv thì hãy chọn các dòng cần xuất rồi click Export .

6. Bảo đảm là cột Send đã được đánh dấu cho tất cả các lệnh bạn muốn thực thi, mặc định là nó đã được chọn trừ một số trường hợp bị lỗi.

7. Click **Excute**.

Một hộp thoại xác nhận thể hiện số lượng lệnh đã chọn. Sau khi được thực thi thì các lệnh sẽ được xóa khỏi màn hình **Bulk Order Input** và ghi vào log file trong thư mục gốc của **J-Trader** ở định dạng *executelog-ddmm.csv*, các lệnh không được thực thi vẫn còn trong màn hình **Bulk Order Input** cho đến khi bạn xóa chúng.

Các cột trong màn hình Bulk Order Input

Bằng cách click phải lên lưới của màn hình **Bulk Order Input** và chọn **Select Columns**, bạn có thể chọn các cột như sau:

Cột	Giải thích
B/S	Mua/Bán.
Chk	Click kép để đánh dấu. Cột này chủ yếu để người môi giới xác nhận thông tin lệnh với khách hàng của họ.
Lots	Khối lượng.
Order Type	Loại lệnh.
Price	Giá thực thi.
Price2	(Chỉ dùng cho Lệnh giới hạn) Giá giới hạn.
Price3	Có thể bỏ qua, không được sử dụng.

Exchange Commodity Contract Date	Sở, hàng hóa, ngày hợp đồng.
Trade Account	Tài khoản giao dịch.
Send	Đánh dấu để thực thi lệnh.
GT Date	(Chỉ dùng cho lệnh GTD) Ngày mà lệnh có thể tồn tại nếu không bị khớp hoặc hủy.
Reference	Tự do mô tả lệnh.
Trigger Time	(Chỉ dùng cho Lệnh thời gian) Ngày giờ thực thi lệnh.
Priority	Độ ưu tiên của lệnh (0-9), 0 có nghĩa là không có độ ưu tiên. Ví dụ: Nếu các lệnh ở cùng thời điểm, giá và số lượng thì lệnh có độ ưu tiên 1 sẽ thực thi trước 2.
File	Tên của file .csv
Load Time	Thời gian đã nạp lệnh vào màn hình Bulk Order Input

Xem lệnh khớp

Trong tab **General** của **Settings** nếu bạn đánh dấu **Display Alert Popup** thì sẽ có một cửa sổ tin nhắn xuất hiện khi có lệnh được khớp.

Bạn cũng có thể dùng **Fill window** để xem các thông tin về khớp lệnh.

1. Từ màn hình chính **J-Trader**, chọn **Tools -> Fill Window**.



Order ID	Contract Date	Buy/Sell	Last Fill	Filled Lots	Status	Price	Reference
39368	LIFFE\EURIBOR\Dec06	Buy	10:51:27	48	Fill	97.430	39
39363	LIFFE\EURIBOR\Mar07	Buy	10:51:22	25	Fill	96.910	39
39363	LIFFE\EURIBOR\Mar07	Buy	10:51:21	15	Fill	96.910	39
39359	LIFFE\EURIBOR\Jun06	Sell	10:51:11	34	Fill	96.985	39
39359	LIFFE\EURIBOR\Jun06	Sell	10:51:10	59	Fill	96.985	39
39359	LIFFE\EURIBOR\Jun06	Sell	10:51:10	7	Fill	96.985	39

Order ID	Contract Date	Buy/Sell	Chk	Last Fill	Fills	Filled Lots	Ing Lots	Status	Price	Reference
39355	LIFFE\EURIBOR\Jun06	Buy		10:51:1	2	100	0	Filled	96.995	
39356	LIFFE\EURIBOR\Jun06	Buy		10:51:1	2	100	0	Filled	96.995	
39367	LIFFE\EURIBOR\Dec06	Sell		10:52:2	2	100	0	Filled	97.440	
39368	LIFFE\EURIBOR\Dec06	Buy		10:51:3	2	100	0	Filled	97.430	
39372	CME EURO\$1GE\Sep06	Sell		10:53:1	2	100	0	Filled	0.2750	
39373	CME EURO\$1GE\Sep06	Sell		10:53:2	2	100	0	Filled	95.4900	
39374	CME EURO\$1GE\Sep06	Sell		10:53:1	2	100	0	Filled	0.3375	
39377	CME EURO\$1GE\Jul06	Sell		10:53:1	2	100	0	Filled	95.4550	
39378	CME EURO\$1GE\Jul06	Buy		10:53:1	2	100	0	Filled	95.4675	
39382	LIFFE\EURIBOR\Dec06	Sell		11:30:1	2	100	0	Filled	97.465	

Acknowledge All Acknowledge Selected

Khi có lệnh khớp thì nó sẽ được chèn vào đầu danh sách và được tô màu đỏ.

2. Để công nhận thông tin khớp, sau khi công nhận thì lệnh sẽ được chuyển xuống phía dưới:

- Chọn 1 dòng đơn rồi click **Acknowledge**.
- Hoặc chọn nhiều lệnh (Shift-click) rồi click **Acknowledge All**.

3. Click lên tiêu đề cột để sắp xếp lệnh ở khung bên dưới,

4. Nếu dòng nào được tô màu xám, thì có nghĩa là khớp lệnh không hiệu lực hoặc đã hết hạn, để xóa các kết quả khớp hết hạn thì bạn hãy click nút **Purge** (phía dưới ở bên phải).

∞ HẾT ∞